# LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là phần nghiên cứu và thể hiện báo cáo tốt ngiệp của riêng em, không sao chép ở bất cứ bài báo cáo nào khác. Nếu sai em xin chịu mọi trách nhiệm và kỷ luật của nhà trường đề ra.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2013*

Sinh viên thực hiện

HOÀNG THỊ HIỀN

# MỤC L ỤC

LỜI CAM ĐOAN 1
MỤC L ỤC 2
LỜI MỞ ĐẦU 6
CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 8
1.1Giới thiệu tổng quan về công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 8
1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 8
1.1.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty 8
1.1.1.2 Chức năng nhiệm vụ của công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 9
1.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 12
1.1.3 Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của từng bộ phận. 13
1.1.4. Cơ cấu tổ chức của phòng kế toán tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 15
1.1.5. Hình thức sổ sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 17
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 20
2.1.Tình hình quản lý lao động tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 20
2.1.1 Khái niệm, bản chất, nguồn gốc, của lao động, tiền lương, quỹ tiền lương. 20
2.2. Các phương pháp tính, chia lương và các khoản phải trả tại Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 23
2.2.1Tài khoản sử dụng : 23
2.2.1.1. Tài khoản 334 – Phải trả người lao động 23
2.2.1.2. Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác 24
2.2.2. Phương pháp kế toán tiền lương 25
2.2.3. Phương pháp kế toán các khoản trích theo lương 26
2.3. Các chứng từ ban đầu về hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 27

2.4.Quy trình hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 34
2.5. Nội dung và trình tự kế toán lao đông tiền lương. 37
2.5.1. Hình thức trả lương và phạm vi áp dụng. 37
2.5.2 Phương pháp lập Bảng thanh toán lương của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 52
2.5.3. Phương pháp tính các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 63
2.6. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 67
2.6.1. Tài khoản sử dụng và chứng từ liên quan. 67
2.6.2. Ghi sổ. 70
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA 82
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty 82
3.1.1 Ưu điểm 82
3.1.2 Nhược điểm 83
3.2 Các yêu cầu hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty
84
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương: 84
3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Đại Đoàn Gia 85
3.2.3 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và cách khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Đại Đoàn Gia 86

Kết luận 88
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN 89
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN 90
NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP 91

# LỜI MỞ ĐẦU

Thế giới đã bước sang một thế kỷ mới,thế kỷ của sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật, công nghệ. Việt Nam không nằn ngoài quỹ đạo đó.Với những bước đầu tiên trên con đường hội nhập kinh tế thị trường,hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Đó là yếu tố khách quan cho sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của mỗi quốc gia trên thế giới.

Trong quá trình hội nhập đó đối với bất kỳ nền sản xuất hàng hóa nào,để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp càn phải có đầy đủ các yếu tố đầu vào là: Tư liệu sản xuất, đối tượng lao động và lao động.Trong đó,lao động là yếu tố cơ bản có tính chất quyết định. Lao động là lao chân tay và lao động trí óc tạo ra của cải vật chất. Để quá trình tái sản xuất nói chung và quá trình sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp diễn ra thường xuyên, liên tục thi cần thiết phải tái sản xuất sức lao động. Vì vậy khi người lao đọng tham gia sản xuất tại các doanh nghiệp, các doanh nghiệp phải trả cho họ một khản thù lao để họ tái sản xuất sức lao động, khoản thù lao đó tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế hàng hóa, thu lao lao động được biểu hiện bằng thước đo gia trị, được gọi la tiền lương. Tuy nhiên, việc quản lư, phân phối quỹ tiền lương đó theo cách thức nào sao cho công bằng, hợp lý,đúng pháp luật, kích thích tinh thần hăng say làm việc và khả năng sáng tạo của người lao động,phát huy tác dụng đon bảy kinh tế của tiền lương trong kinh doanh,đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, lại là vấn đề không đơn giản đối với các doanh nghiệp. Điều này đi hỏi doanh nghiệp phải tim được phương thức quản lư, hạch toán tiền lương phù hợp,tuân thủ quy định của nhà nước về chính sách đãi ngộ,nhưng cũng phải có những ứng dụng sáng tạo căn cứ vào thực tế kinh doanh tại công ty.

Các khoản trích theo lương bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Trong quá trình tham gia lao động sản xuất doanh nghiệp và người lao động có nghĩa vụ phải nộp các khoản này theo quy định của Nhà Nước và sẽ được hưởng trợ cấp khi gặp tai nạn, ốm đau, thai sản….

Doanh nghiệp luôn coi quản lý lao động và tiền lương là nội dung quan trọng trong công tác quản lư kinh doanh. Là sinh viên khoa Kế toán tổng hợp của trường Cao Đẳng Kinh Tế Công Nghiệp Hà Nội, trong quá trình học tập và rèn luyện, đặc biệt là qua thời gian thực tập vừa qua tại CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA , em dã có điều kiện củng cố tích lũy, làm sáng tỏ những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học về những cách thức tổ chức, nội dung trình tự công tác kế toán trong đơn vị. Đồng thời,thời gian thực tập tốt nghiệp đã giúp em có thêm kiến thức thực tế về lĩnh vực mà em mong muốn được ́m hiểu kỹ hơn. Đó là vấn đề: **"KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG ".**

Nội dung Bản báo cáo thực tập này ngoài Lời mở dầu và Kết luận gồm có 3 chương

**Chương I**: Khái quát về CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

**Chương II:** Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty

**Chương III**: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Trong thời gian thực tập, về cá nhân em đã cố gắng ́m hiểu, thu nhập tài liệu để làm chuyên đề này, Đồng thời em xin chân thành cảm ơn Lãnh Đạo, phòng Kế toán tài chính và phòng Nhân sự hành chính của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA,đã tạo mọi điều kiện để em hoàn thành báo cáo thực tập cuối khóa của ́mnh tại công ty. Em cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của ́mnh đối với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của cô giáo – **Tiến Sỹ: DƯƠNG THỊ VÂN ANH** đã giúp em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này. Do thời gian có hạn và chưa có kinh nghiệm nên chuyên đề vẫn còn nhiều hạn chế, em mong nhận được ý kiến đóng ngóp, phê bình của các thày cô để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn!

# CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

## 1.1 Giới thiệu tổng quan về công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

### 1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

#### 1.1.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH **ĐẠI ĐOÀN GIA được thành** lập ngày 25/2/2010 theo quyết định QĐ số 60/2001/QH 11 thông qua 29/11/2013 được QH nước CHXHCNVN, do ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội cấp ngày 25/01/1999 giấy phép kinh doanh số 073339 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/11/2001

Tên công ty : CÔNG TY **TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

Trụ sở chính : Số 16 khu Hòa Sơn –Thị Trấn Chúc Sơn –Chương Mỹ -Hà Nội

Tel : 0463266868

Fax : 0463266868

Mã số thuế: 0104495646

Email:infor@daidoangia.com

Hình thức pháp lý: Công ty TNHH

Sản phẩm chủ yếu: điện thoại

Ngân hàng giao dịch:techcombank chi nhánh Hà Tây

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA toạ lạc trên diện tích gần 1000m2 ở số16 khu Hòa Sơn –Thị Trấn Chúc Sơn –Chương Mỹ -Hà Nội, thành lập năm 2010 vậy Công ty đã có 3 năm kinh nghiệm về các thiết bị, phụ kiện điện thoại toàn khu vực miền Bắc.

Công ty luôn tổ chức các buổi hội thảo dành cho các thành viên, Nhiều thí nghiệm và các nhân viên thiết kế , nghiên cứu để tạo ra nhiều sản phẩm tối ưu

nhất cho khách hàng. Công ty luôn phát triển và đầu tư nhiều thiết bị , có đầy đủ công nghệ sản xuất , kiểm tra hệ thống. và một số trang thiết bị tinh vi khác, để bảo đảm các sản phẩm chất lượng cao. Tất cả các sản phẩm của Công ty sẽ được kiểm tra trước khi phân phối, từ khâu đóng gói , mỗi giai đoạn là nghiêm túc triển khai thực hiện tương ứng các quy trình kiểm tra chất lượng, sản xuất của tất cả các sản phẩm, đã đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn an toàn.

Dựa trên cơ sở tin cậy chất lượng và uy tín trung thực, chúng tôi đã trở thành một trong những nhà nhập khẩu và phân phối hàng đầu ở khu vực miền Bắc.

Triết lý kinh doanh : tăng cường chất lượng chung của các nhân viên, được quản lý chặt chẽ trong quá trình sản xuất, liên tục nhận thức về môi trường giáo dục và tạo ra các sản phẩm bảo vệ môi trường.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, đặc biệt với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ cộng thêm sự cạnh tranh quyết liệt của các công ty đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như khó khăn, thách thức cho công ty. Đội ngũ công nhân viên toàn công ty đã không ngừng học hỏi kinh nghiệm áp dụng tích cực chiến lược kinh doanh có hiệu quả nên công ty đã vượt qua nhiều thử thách và ngày một khẳng định vị thế của mình trên thương trường.

#### 1.1.1.2 Chức năng nhiệm vụ của công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

+ Trong quá trinh hoạt động kinh doanh Công Ty **TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA** đã tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký.

+ Tuân thủ các chế độ chính sách pháp luật của Nhà Nước liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế,các khoản phí, lệ phí, và các khoản khác đối với Nhà Nước.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng kinh tế, hợp đồng ngoại thương đã ký.

+ Xây dựng, tổ chức và thực hiện các kế hoạch kinh doanh phù hợp với công ty theo quy định hiện hành.

+ Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, tự tao ra nguồn vốn đảm bảo tự trang trải cho hoạt động kinh doanh.

+ Tìm hiểu phân tích nhu cầu thị trường trong nước và thế giới nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

+ Nâng cao trình  độ tay nghề và trình độ quản lý.

+ Không ngừng chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên trong công ty.

*** Đặc điểm hàng hóa, thị trường tiêu thụ và khách hàng của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

*** Đặc điểm hàng hóa và lĩnh vực kinh doanh**.

-Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA chuyên cung cấp các mặt hàng: phụ kiên,thiết bị và phân phối điện thoại. Nhà cung ứng hàng hóa: hiện tại công ty có quan hệ quen thuộc với các doanh nghiệp uy tín khu vực miền Bắc như Công Ty Cổ Phần Thương Mại Nguyễn Kim, Công Ty TNHH Đa Lợi, IQNet,…. Ngoài công ty còn đang tiếp tục tìm kiếm các nhà cung ứng và phân phối mới có khả năng cung cấp những mặt hàng đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

***Thị trường tiêu thụ của công ty.**

Thị trường tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của công ty chủ yếu là Thành Phố Hà Nội. Ngoài ra còn một số tỉnh thành khác như: Thành Phố Hồ Chí Minh,Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương, Nghệ An, Hà Nam ….. Trong thời gian tới công ty có hướng mở rộng thị trường kinh doanh ra các tỉnh thành trong cả nước.

***Phương thức bán hàng.**

Xét về phượng diện kế toán,công ty phân chia phương thức bán hàng theo thời điểm ghi nhận doanh thu.

* Bán hàng theo phương thức gửi bán: Theo phương thức này có hai trường hợp.

+ Bán hàng thông qua đại lý:Công ty giao hàng cho cơ sở nhận đại lý, ký gửi để các cơ sở trực tiếp bán hàng. Sau khi bán hàng,cơ sở đại lý thanh toán tiền hàng cho công ty và được nhận một khoản gọi là hoa hồng. Khi nhận được hóa đơn từ các cơ sở đại lý lúc này công ty sẽ ghi nhận giá vốn và doanh thu.

+ Gửi cho khách hàng chưa chấp nhận thanh toán: Công ty căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, hoặc đơn đặt hàng của người mua sẽ xuất kho hoặc chuyển thẳng sau khi mua của người bán, mà không thông qua kho.Gửi hàng cho người bán bằng phương tiện vận tải của công ty,hoặc thuê ngoài. Chi phí vận chuyển sẽ do công ty thanh toán, hoặc người mua hàng thanh toán tùy theo hợp đồng đã ký kết. Hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty cho tới khi nhận được chứng từ chấp nhận thanh toán của người mua. Khi khách hàng chấp nhận thanh toán thi quyền sở hữu được chuyển cho khách hàng.

* Bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp: Công ty xuất trực tiếp cho khách hàng hoặc giao bán tay ba (sau khi nhận hàng từ nhà cung cấp giao luôn cho bên mua mà không thông qua kho) .Đồng thời bên mua chấp nhận thanh toán, đảm bảo các điều kiện ghi nhận doanh thu.

*** Phương thức thanh toán.**

Sau khi giao hàng cho bên mua và được chấp nhận thanh toán công ty có thể nhận tiền hàng theo nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc sự tín nhiệm, thỏa thuận giữa hai bên mà lựa chọn phương thức thanh toán cho phù hợp. Hiện nay, Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA áp dụng các hình thức thanh toán sau.

Phương thức thanh toán trực tiếp: sau khi nhận và giao hàng cũng thanh toán luôn tiền hàng. Thông thường thanh toàn bằng tiền gửi ngân hàng, ngoài ra có những trường hợp trả bằng tiền mặt.

Phương thức trả chậm: sau khi giao hàng vẫn chưa thanh toán tiền hàng mà sau một thời gian mới trả. Khách hàng có thể nợ một lần hoặc nhiều kỳ, có thể có lãi trả chậm hoặc không tùy theo thỏa thuận. Theo phương thúc này có hai trường hợp trả chậm không lãi hoặc trả chậm có lãi.

***Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả quy mô về vốn và hiệu quả kinh doanh**.

Sau hơn 3 năm tồn tại và phát triển, tính đến tháng 1 năm 2013, Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA đã đạt được một số chỉ tiêu kinh tế tài chính sau:

+ Vốn điều lệ của công ty là: 6,000,000,000. (sáu tỷ việt nam đồng)

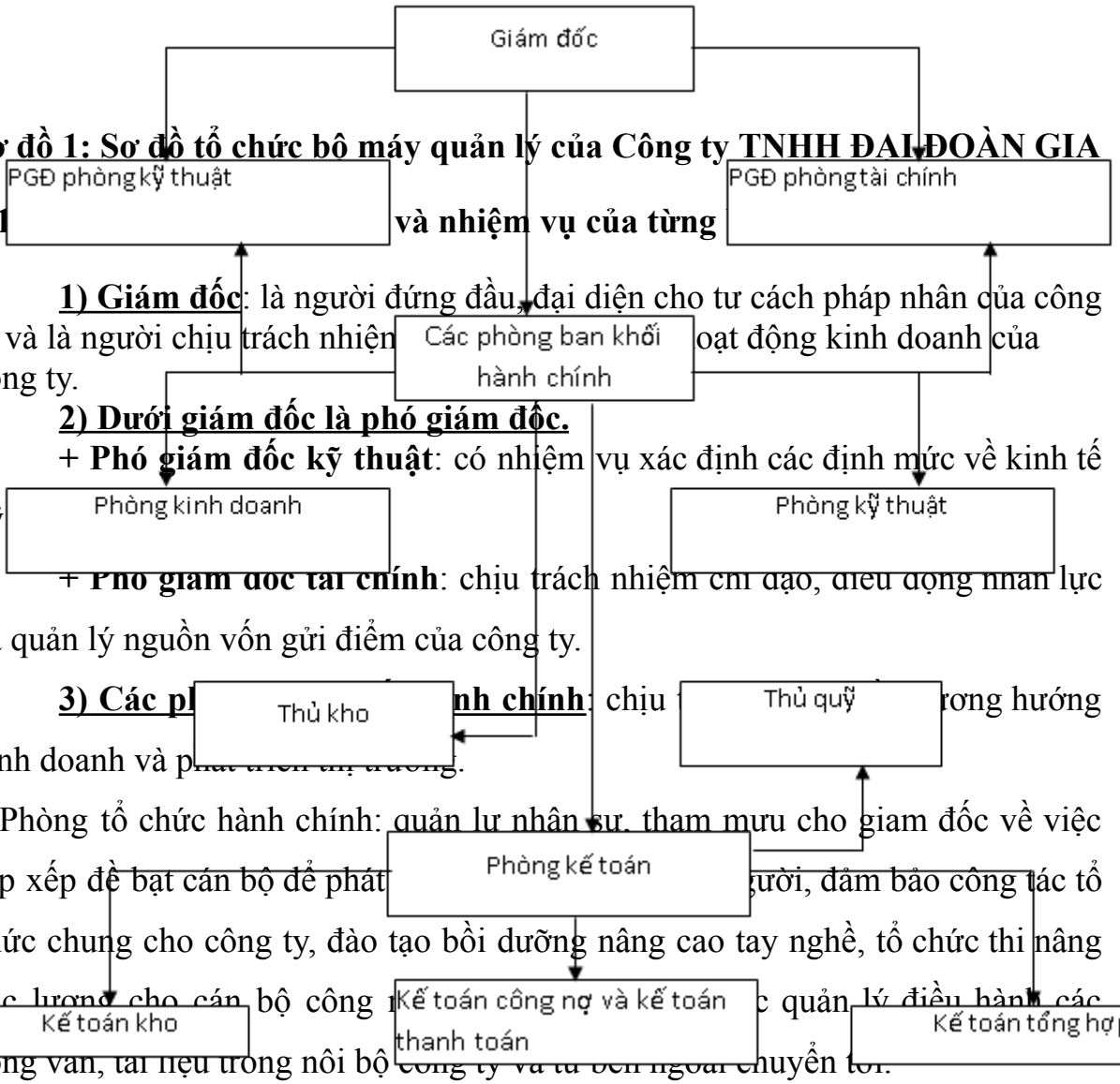
Với những bước đi ban đầu đầy khó khăn từ năm 2010, bằng sự nỗ lực không ngừng phấn đấu, những năm gần đây quy mô cũng như hiệu quả của công ty không ngừng tăng nhanh

### 1.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

**a. Bộ máy quản lý của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

Trên thực tế để thực hiện được các chiến lược, sách lược về kinh tế, chính trị, xã hội Công ty **TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA** phải có một đội ngũ quản lý để hoạt động kinh doanh sao cho khoa học, sáng tạo nhất. Cụ thể bộ máy quản lý của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Biểu số 01:**




**Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bô máy quản lý của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

**1.1 và nhiệm vụ của từng**

**1) Giám đốc**: là người đứng đầu, đại diện cho tư cách pháp nhân của công ty và là người chịu trách nhiệ oạt động kinh doanh của công ty.

**2) Dưới giám đốc là phó giám đốc.**

**+ Phó giám đốc kỹ thuật**: có nhiệm vụ xác định các định mức về kinh tế kỹ

**+ Phó giám đốc tài chính**: chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều động nhân lực và quản lý nguồn vốn gửi điểm của công ty.

**3) Các p nh chính**: chịu rơng hướng kinh doanh và p

* Phòng tổ chức hành chính: quản lư nhân sư, tham mưu cho giam đốc về việc sắp xếp đề bạt cán bộ để phát ười, đảm bảo công tác tổ chức chung cho công ty, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề, tổ chức thi nâng bậc lương cho cán bộ công n c quản lý điều hành các công văn, tài liệu trong nôi bộ công ty và từ bên ngoài chuyển tới.

* Phòng tài chính kế toán:

+ Chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán, đảm bảo cân đối nguồn tài chính, thu chi đúng nguyên tắc, đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu về tài chính của công ty.

+ Lập và thực hiện kế hoạch tài chính theo tiến độ phù hợp với kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Hạch toán kế toán nội bộ hoạt động kinh doanh.

+ Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc thu thập đầy đủ kịp thời các chứng từ kế

toán, từ các bộ phận thu, thực hiện thu chi đúng chế độ quy định, đúng nguyên tắc kế toán.

+ Thanh quyết toán theo kế hoạch hoạt động với công ty và các bộ phận trong công ty.

+ Xây dựng quy chế quản lý tài chính kế toán và hệ thống tài khoản có liên quan đến đơn giá phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

+ Các đối tượng hạch toán:

Toàn bộ tài sản, vốn của công ty.

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh.

Các hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác.

* Phòng kế hoạch: tham mưu cho Giám đốc trên lĩnh vực như lập kế hoạch công tác,đề xuất các biện pháp thực hiện và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhập xuất cho công ty, thương thảo, ký kết hợp đồng kinh tế, lập dự toán và thanh toán quyết toán các hợp đồng.

* Phòng marketing: tìm kiếm khách hàng, và các nhà cung ứng có uy tín, thiết lập quan hệ lâu dài. Xây dựng các chiến lược quảng cáo, khuyến mại,tiếp cận các sản phẩm của công ty tới người tiêu dùng, kích thích nhu cầu tiêu dùng của người tiêu dùng.

* Bộ phận bán hàng: điều phối hàng hóa, gặp các khách hàng,giải đáp các thắc mắc của khách hàng về sảm phẩm của công ty, giao hàng, lắp đặt khắc phúc sự cố của khách hàng khi dùng sảm phẩm của công ty (chăm sóc khách hàng)

* Bộ phận kho: bảo vệ kho hàng, bảo quản hàng hóa vận chuyển bốc dỡ hàng, bảo vệ công ty.

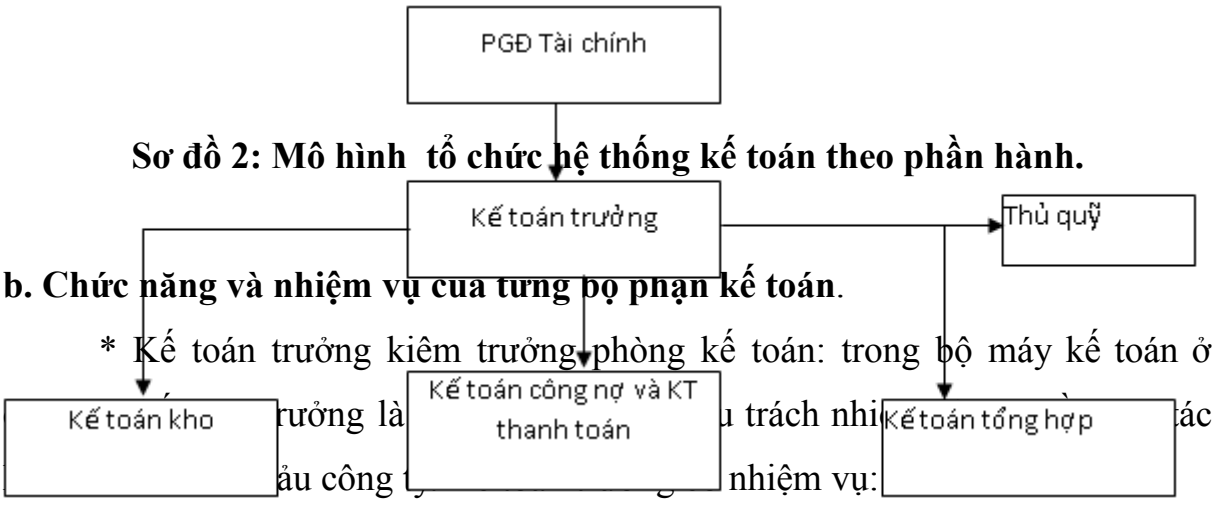
Với cách phân chia bộ phận như vậy, Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA dễ dàng đơn giản hóa bố trí tổ chức nhân sự theo chuyên môn hóa ngành nghề, tận dụng được những cán bộ có trình độ cao về từng mặt, tăng cường tính logic của các chức năng. Từ đó các thông tin quyết định quản

trị và thông tin phản hồi có độ chính xác cao, giữ được sức mạnh và uy tín của từng bộ phân cũng như của công ty.

### 1.1.4. Cơ cấu tổ chức của phòng kế toán tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

**a. Bộ máy kế toán của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

Phòng kế toán của công ty có chức năng giúp Giám đốc chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước,tổ chức thu thập và sử lý thông tin kinh tế phục vụ cho công tác quản lý. Qua đó kiểm tra qua trình thực hiện kinh doanh của Công ty, giám sát việc sử dụng nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh, thúc đẩy việc thực hiện tốt chế độ hạch toán kế toán, nâng cao hiệu quả và thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo theo quy định. Bộ máy kế toán là một mắt xích quan trọng trong hệ thống quản láy doanh nghiệp. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của công ty.




**Sơ đồ 2: Mô hình tổ chức hệ thống kế toán theo phần hành.**

**b. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán**.

* Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán: trong bộ máy kế toán ở [illegible] trưởng là [illegible] trách nhi[illegible] tác [illegible] ảu công [illegible] nhiệm vụ:

+ Quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động của phòng kế toán, chịu trách nhiệm chung về kế toán của công ty, tổ chức bộ máy phù hợp với hoạt động của công ty.

+ Tham mưu cho Tổng giám đốc về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty.

* Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ như sau:

+ Tổng hợp các thông tin từ các nhân viên kế toán thành phần để lên Bảng cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính cuối kỳ.

+ Phụ trách chung công tác quản lư tái chính và hạch toán kế toán của công ty, điều hành công việc của phòng tài chính kế toán.

**- Kê toán kho**: Cập nhật chi tiết lượng hàng hoá, dụng cụ xuất ra cho các văn phòng, công ty và lượng hàng hoá mua vào của công ty. Dựa vàocác chứng từ xuất nhập vật tư, cuối tháng tính ra số tiền phát sinh và lập báo cáo.

* Kế toán tiền lương:

+ Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp một cách liên tục trung thực, kịp thời, đầy đủ, chính xác về tình hình của công ty và sự biến động về số lượng, chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động, kết quả lao động.

+ Tính toán, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.

+ Lập báo cáo về tình hình lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội, tổ chức phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ bảo hiểm xã hội, đề xuất các biệ pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động.

* Thủ quỹ có nhiệm vụ như sau: thu chi quản lý tiền mặt và các khoản tương đương tiền, căn cứ vào phiếu thu, chi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập báo cáo quỹ hàng ngày.

**- Kế toán công nợ**: phản ánh  các khoản nợ phải thu, nợ phải trả các khoản phải nộp, phải cấp cũng như tình hình thanh toán và còn phải thanh toán với đối tượng (người mua, người bán, người cho vay, cấp trên, ngân sách…). Ngoài ra  do mô hình thanh toán tức là sẽ ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

### 1.1.5. Hình thức sổ sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

*** Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.**

Từ tháng 4/2010 cho đến nay công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006.

Niên độ kế toán: công ty tính niên độ kế toán theo năm tài chính, bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31/12 của năm.

Kỳ kế toán của công ty: tính theo tháng.

Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp hạch toán ngoại tệ: theo tỷ giá thực tế.

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi chép sổ sách kế toán: Việt Nam Đồng.

Tính giá thực tế vật liệu xuất kho theo phương pháp: nhập trước xuất trước.

**b. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống sổ sách theo hình thức Nhật ký chung, đảm bảo thống nhất trình tự ghi sổ, tổng hợp, lập báo cáo kế toán và sử dụng máy vi tính vào công tác kế toán.

+ Các loại chứng từ: Bảng châm công, bảng thanh toán lương…
Phiếu nhập, phiếu xuất, bảng kê mua hàng…
Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng…
Giấy báo nợ, báo có…
Hóa đơn giá trị gia tăng…

+ Các loại sổ sách: Sổ nhật ký chung…
Sổ cái, sổ thẻ kế toán chi tiết….
Sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng..
Bảng cân đối phát sinh…

**c. Sơ đồ quy trình ghi sổ tại Công ty.**

**Sơ đồ 3: Sơ đồ quy trì TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**




**Ghi chú:**

C ày

Ghi cuối tháng:

Đối chiếu kiểm tra

+ Hàng ngày căn cứ vào căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra hợp lệ, kế toán ghi vào Nhật ký chung theo thứ

Các chứng từ gốc ghi vào c ù hợp ý đặc biệt và Nhật ký chung ghi vào Sổ cái

+ Các nghiệp vụ liên ồng thời ghi vào Sổ quỹ.

+ Các nghiệp vụ có l cần hạch toán chi tiết th đồng thời ghi sổ, thẻ kế toán chi tiế,cuối tháng tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết.

+ Cuối tháng (quý) cộng Sổ cái đối chiếu với Sổ quỹ và các Bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu Sổ cái và các Bảng tổng hợp được dùng để lập Báo cáo tài chính.

# CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

## *. Tình hình tổ chức quản lý tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

### 2.1.Tình hình quản lý lao động tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

#### 2.1.1 Khái niệm, bản chất, nguồn gốc, của lao động, tiền lương, quỹ tiền lương.

* Lao động.

Lao động với tư cách là hoạt động chân tay và hoạt động trí óc của người

sử dụng các tư liệu lao động nhằm tác động, biến đổi các đối tượng lao động, các vật thể tự nhiên hình thành những vật phẩm có ích và cần thiết phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, thỏa mãn nhu cầu xã hội.

Lao động trong Công ty có tính chất chuyên môn hóa rất cao. Mỗi loại lao động đảm nhiệm một lĩnh vực riêng biệt, ngoài bộ máy quản lý,các bộ phận phòng ban chức năng, công ty còn có các loại lao động như sau:

+ Công nhân lái xe.

+ Giao dịch viên: có nhiệm vụ bán các sản phẩm của công ty.

+ Nhân viên tiếp thị.

+ Nhân viên đánh máy văn thư.

+ Nhân viên lao công tạp vụ.

Lao động là một trong ba yếu tố chính của quá trình sản xuất, nó đóng vai trò quyết định đến quá trình này. Theo số liệu thống kê cuối quý 4 năm 2013 Công ty có tổng số 85 cán bộ công nhân viên với sự phân công chất lượng như sau:

| Tiêu thức phân loại | Số lượng người | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|
| Tổng số lao động. | 85 | 100 |
| 1. Tỷ lệ nam, nữ. | | |
| + Nam | 50 | 58,8 |
| + Nữ | 35 | 41,2 |
| Biên chế lao động. | | |
| + Lao động trong biên chế | 48 | 56,5 |
| + Lao động thuê mướn thời vụ | 37 | 43,5 |
| Chất lượng, trình độ lao động. | | |
| + Đại học và trên đại học | 28 | 32,9 |
| + Cao đẳng | 23 | 27,1 |
| + Trung cấp | 18 | 21,2 |

| | | |
|---|---|---|
| + Lao động phổ thông | 16 | 18,8 |

**Biểu 3: Tổng quan về nguồn lao động của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

Căn cứ vào các số liệu và bảng chất lượng lao động được phản ánh ở trên cho thấy Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA có một đội ngũ cán bộ hùng hậu, chất lượng cao chiếm phần lớn tổng số lao động trong biên chế của công ty. Hạch Toán tốt lao động giúp cho quản lý lao động đi vào nề nếp, thúc đẩy việc chấp hành kỷ luật lao động, tăng năng suất lao động và hiệu suất công tác, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động. Đây chính là động lực để thúc đẩy Công ty ngày càng phát triển, lớn mạnh.

* Tiền lương.

Để đảm bảo tiến hành liên tục quá trình tái sản xuất trước hết cần đảm bảo tái sản xuất sức lao động, nghĩa là sức lao động mà con người bỏ ra phải được bồi thường dưới dạng thù lao lao động. Tiền lương chính là phần thù lao lao động được hưởng biểu hiện bằng tiền trả cho người lao động căn cứ vào thời gian, chất lượng và kết quả mà họ đã cống hiến.

Tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số nguồn thu nhập khác như: tiền thưởng, trợ cấp bảo hiểm xã hội....

Mặt khác tiền lương còn là đòn bẩy kinh tế để khuyến khích tinh thần hăng hái lao động, kích thích và tạo mối quan tâm của người lao động đến kết quả công việc của họ. Về bản chất, tiền lương chính là biểu hiện bằng tiền của giá cả sức lao động. Nói cách khác tiền lương chính là nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động. Do đó tiền lương có vai trò quan trọng đối với người lao động.

Cũng như các công ty khác, đối với Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA, tiền lương là khoản thu nhập chính của người lao động, đồng thời là yếu tố cấu thành nên gia thành sản phẩm của công ty. Vì vậy công ty chú trọng đặc biệt đến

công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả người lao động.

Thực hiện tốt kế toán lao động tiền lương góp phần thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người lao động.

* Quỹ tiền lương.

Quỹ tiền lương là toàn bộ số tiền lương tính theo số công nhân viên của công ty do công ty trực tiếp quản lý và chi trả.

Thành phần quỹ tiền lương bao gồm nhiều khoản như lương thời gian (tháng, ngày, giờ) tiền thưởng, lương nghỉ phép, lương học..Quỹ tiền lương bao gồm nhiều loại, tuy nhiên về mặt hạch toán có thể chia thành tiền lương lao động trức tiếp và tiền lương lao động gián tiếp. Trong đó chi tiết theo tiền lương chính và tiền lương phụ. Cụ thể:

+ Tiền lương chính là toàn bộ tiền lương trả cho người lao động trong thời gian làm nhiệm vụ chính của họ, bao gồm tiền lương cấp bậc,tiền thưởng và các khoản phụ cấp có tính tiền lương ( phụ cấp trách nhiệm, khu vực, lưu động, ca 3...)

+ Tiền lương phụ là tiền lương trả cho người lao động trong thời gian làm nhiệm vụ khác và không làm việc nhưng được chế độ quy định như: nghỉ phép, hội họp, học tập, lễ tết...

Việc phân chia quỹ lương thành lương chính và lương phụ có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác hạch toán tiền lương, phân tích các khoản mục chi phi quản lý và chi phí bán hàng. Chúng ta có thể hiểu rằng: tiền lương chính của công nhân có quan hệ trực tiếp với năng suất lao động. Còn tiền lương phụ của công nhân được hạch toán phân bổ gián tiếp vào chi phí kinh doanh mà không gắn với năng suất lao động.

## 2.2. Các phương pháp tính, chia lương và các khoản phải trả tại Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

### 2.2.1Tài khoản sử dụng :

#### 2.2.1.1. Tài khoản 334 – Phải trả người lao động

Tài khoản này để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, phụ cấp, BHXH và các khoản phải trả khác thuộc thu nhập của người lao động.

Bên nợ :

Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản khác đã trả cho người lao động.

Các khoản khấu trừ vào tiền lương, tiền công của người lao động.

Bên có :

Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản

khác phải trả cho người lao động.

Số dư bên Nợ :

Số tiền đã trả lớn hơn số phải trả về lương, tiền công và các khoản khác còn phải trả ( quá lương)

Số dư bên Có :

Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản khác còn phải trả cho người lao động.

#### 2.2.1.2. Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả, phải nộp khác ngoài các khoản đã phản ở tài khoản thanh toán nợ phải trả ( từ tài khoản 331 đến tài khoản 337 )

Bên Nợ :

Bảo hiểm xã hội phải cho công nhân viên

Kinh phí công đoàn chi tại đơn vvị

Số BHXH, BHYT, KPCĐ đã nộp cho cơ quan quản lý quỹ

Bên Có :

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh

Trích BHXH, BHYT khấu trừ vào lương của công nhân viên

KPCĐ vượt chi được cấp bù

Số BHXH đã chi trả công nhân viên khi cơ quan BHXH thanh toán

Số dư bên Có :

Số tiền còn phải trả, phải nộp

BHXH, BHYT, KPCĐ đã trích chưa nộp cho cơ quan quản hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị nhưng chưa chi hết

Số dư bên Nợ :

Số đã trả, đã nộp nhiều hơn số phải trả hoặc số BHXH đã chi trả công nhân viên chưa được thanh toán và KPCĐ vượt chi được cấp bù.

TK 338 có 8 tài khoản cấp 2 :

TK 3381 : Tài sản thiếu chờ giải quyết

TK 3382 : Kinh phí công đoàn

TK 3383 : Bảo hiểm xã hội

TK 3384 : Bảo hiểm y tế

TK 3385 : Phải trả về cổ phần hoá

TK 3386 : Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

TK 3387 : Doanh thu chưa thực hiện

TK 3388 : Phải trả, phải nộp khác.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan :

TK 111 : Tiền mặt

TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

TK 138 : Phải thu khác

TK 141 : Tạm ứng

TK 622 : Chi phí nhân công trực tiếp

TK 627 : Chi phí nhân viên QLPX

TK 641 : Chi phí nhân viên bán hàng

TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 2.2.2. Phương pháp kế toán tiền lương

+ Cuối tháng tính lương phải trả căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, tiền thưởng, làm thêm giờ và các khoản phụ cấp theo quy định cho từng người trong công ty, kế toán ghi :

Nợ TK 622 : Tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất

Nợ TK 627 : Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng

Nợ TK 641 : Tiền lương của nhân viên bán hàng

Nợ TK 642 : Tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp

Nợ TK : 3383 : Lương BHXH phải trả cho người lao động

Có TK 334 : Tổng số tiền lương, tiền thưởng và các khoản phải trả người lao động

+ Các khoản giảm trừ vào thu nhập của người lao động :

Nợ TK 334 : Tổng số tiền trừ vào thu nhập của người lao động

Có TK338 :

3383 : 7% BHXH

3384 : 1,5% BHYT

+ Thưởng thi đua lấy từ quỹ khen thưởng:

Nợ TK 4311

Có TK 334 : Tổng tiền thưởng cho người lao động

+ Khi tiến hành thanh toán lương cho người lao động sau khi trừ đi các khoản:

Nợ TK334 :

Có TK 111 : Tổng tiền lương còn lại

**2.2.3. Phương pháp kế toán các khoản trích theo lương**

+ Tính BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh 21,5% và trừ 7% vào lương của người lao động :

Nợ TK 622 : Chi tiết từng phân xưởng

Nợ TK 627 : Chi tiết từng phân xưởng

Nợ TK 641 : Trích của nhân viên bán hàng

Nợ TK 642 : Trích của bộ phận quản lý doanh nghiệp

Nợ TK : 334 : Trích 7%

Có TK 338(2,3,4)

+ Tính lương BHXH phải trả cho người lao động:

Nợ TK 3383

Có TK 334 : số tiền BHXH người lao động được hưởng

+ Nộp KPCĐ, BHXH, BHYT cho các đơn vị :

Nợ TK 338(2,3,4)

Có TK 111

+ Chi tiêu KPCĐ tại công ty : hiếu, hỉ …

Nợ TK 3382

Có TK 111

***Tổ chức kế tán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**

## 2.3. Các chứng từ ban đầu về hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Căn cứ vào phiếu nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội, giấy học, họp , phép, phiếu bàn giao… kế toán ghi vào bảng chấm công. Tại Công ty **TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA**, Bảng chấm công được áp dụng theo mẫu 1a - LĐTL.

+ Cơ sở lập: Căn cứ vào số ngày làm việc thực tế của từng công nhân của tổ trong tháng

+ Phương pháp lập: được lập hàng tháng cho từng bộ phận công tác. Danh sách thành viên được ghi đầy đủ vào bảng chấm công tình hình sử dụng thời gian lao động thực tế của từng người. Hàng ngày, tổ trưởng hoặc người ủy quyền căn cứ vào tình hình thực tế của từng bộ phận mnh để chấm công cho từng người trong ngày, ghi vào các ngày tương ứng trong các cột từ 1 đến 34 theo các ký hiệu quy định trong bảng chấm công. Trong đó:

Cột A: Họ tên thành viên trong tổ.

Cột B: Cấp bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ của từng người.

Cột 1-31: Ghi các ngày trong tháng từ 01 đến cuối tháng của tháng và chấm công vào các ô tương ứng với các ký hiệu quy định trong bảng chấm công.

Cột 32: Ghi tổng số ngày công hưởng lương sản phẩm trong tháng, căn cứ vào ký hiệu chấm công là K1 hoặc K2 để tổng hợp lại.

Cột 33: Ghi số ngày công hưởng lương thời gian trong tháng, căn cứ vào các ký hiệu chấm công là "+" để tổng hợp lại.

Cột 34: Ghi tổng số ngày nghỉ việc hưởng 100% lương của từng người trong tháng.

Cột 35: Ghi tổng số ngày nghỉ việc và ngưng việc hưởng các mức lương theo quy định của công ty của từng người trong tháng.

Cột 36: Ghi tổng số công nghỉ hưởng BHXH của từng người trong tháng.

+ Mục đích: theo dõi ngày công làm việc thực tế, nghỉ việc, ngưng việc, nghỉ hưởng BHXH… để có căn cứ trả lương, BHXH trả thay lương cho từng người và quản lý lao động trong công ty.

Cuối tháng tổ trưởng, trưởng phòng ký vào Bảng chấm công và chuyển Bảng chấm công cùng các chứng từ liên quan như: giấy chứng nhận nghỉ hưởng BHXH, giấy nghỉ việc không lương ….về bộ phận kế toán để đối chiếu, kiểm tra, quy ra công để tính lương và BHXH.

Bảng chấm công được theo dõi công khai tại nơi làm việc để cho cán bộ công nhân viên có thể kiểm tra, giám sát, theo dõi.

Cụ thể ta có bảng chấm công tháng 1 năm 2013 như sau:

Ký hiệu trong bảng chấm công:

Lương thời gian: +

Ốm, điều dưỡng: Ô

Con ốm: Cô

Thai sản: TS

Nghỉ phép: P

Hội nghị, học tập: H

Nghỉ bù: NB

Nghỉ không lương: KL

Ngưng việc: N

Lao động nghĩa vụ:

Bộ phận: Tổ chức hành chính.

**BẢNG CHẤM CÔNG**

**THÁNG 4-2013**

| Họ và tên | CV | Ngày trong tháng | | | | | | | | | | Số công hưởng lương sản phẩm | Số công hưởng lương thời gian | Số công nghỉ việc hưởng 100% lương | Số công nghỉ việc hưởng …% lương | Số công hưởng BHXH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 CN | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 |
| Phùng Đoài Tùng | TP | + | + | CN | + | H | + | + | … | + | | | 24 | 2 | | |
| Trần Vũ Công | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Lê Sĩ Đông | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Nguyễn Thị Hà | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Nguyễn Thị Hương | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | 125 | 5 | | |

**Người chấm công** **Phụ trách bộ phận** **Người duyệt**

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Bộ phận: Marketing

**BẢNG CHẤM CÔNG**

**THÁNG 4-2013**

| Họ và tên | CV | Ngày trong tháng | | | | | | | | | | Số công hưởng lương sản phẩm | Số công hưởng lương thời gian | Số công nghỉ việc hưởng 100% lương | Số công nghỉ việc hưởng …% lương | Số công hưởng BHXH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 CN | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 |
| Đàm Mạnh Trung | TP | + | + | CN | + | H | + | + | … | + | | | 24 | 2 | | |
| Hoàng Hữu Hạnh | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Lương Mạnh Hải | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Phạm Thùy Chi | NV | + | + | CN | + | Ô | Ô | + | … | + | | | 23 | 1 | | 2 |
| Lê Anh Đức | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | 125 | 5 | | 2 |

**Người chấm công** **Phu trách bộ phận** **Người duyệt**

Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Tài chính kế toán

**BẢNG CHẤM CÔNG**
**THÁNG 4-2013**

| Họ và tên | CV | Ngày trong tháng | | | | | | | | | | Số công hưởng lương sản phẩm | Số công hưởng lương thời gian | Số công nghỉ việc hưởng 100% lương | Số công nghỉ việc hưởng …% lương | Số công hưởng BHXH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 CN | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 |
| Ngô Thị Sáng | TP | + | + | CN | + | H | + | + | … | + | | | 24 | 2 | | |
| Nguyễn THị Hồng | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Bùi Quang Trung | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Trần Tuấn Anh | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Lê Duẩn | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Đinh Phương Thảo | NV | P | P | CN | + | + | + | + | … | + | | | 23 | 3 | | |
| Nguyễn Thị Hằng | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | 172 | 10 | | |

**Người chấm công** **Phụ trách bộ phận** **Người duyệt**

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Bán hàng

**BẢNG CHẤM CÔNG**
**THÁNG 4-2013**

| Họ và tên | CV | Ngày trong tháng | | | | | | | | | | Số công hưởng lương sản phẩm | Số công hưởng lương thời gian | Số công nghỉ việc hưởng 100% lương | Số công nghỉ việc hưởng …% lương | Số công hưởng BHXH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 CN | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 |
| Trần Quyết Thắng | TP | + | + | CN | + | H | + | + | … | + | | | 24 | 2 | | |
| Hoàng Liên Sơn | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Bùi Ngọc Liên | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Hà Thanh Hằng | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 23 | 1 | | |
| Hoàng Mai Nhung | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | 124 | 6 | | |

**Người chấm công** **Phu trách bộ phận** **Người duyệt**

Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Kho

**BẢNG CHẤM CÔNG**

**THÁNG 4-2013**

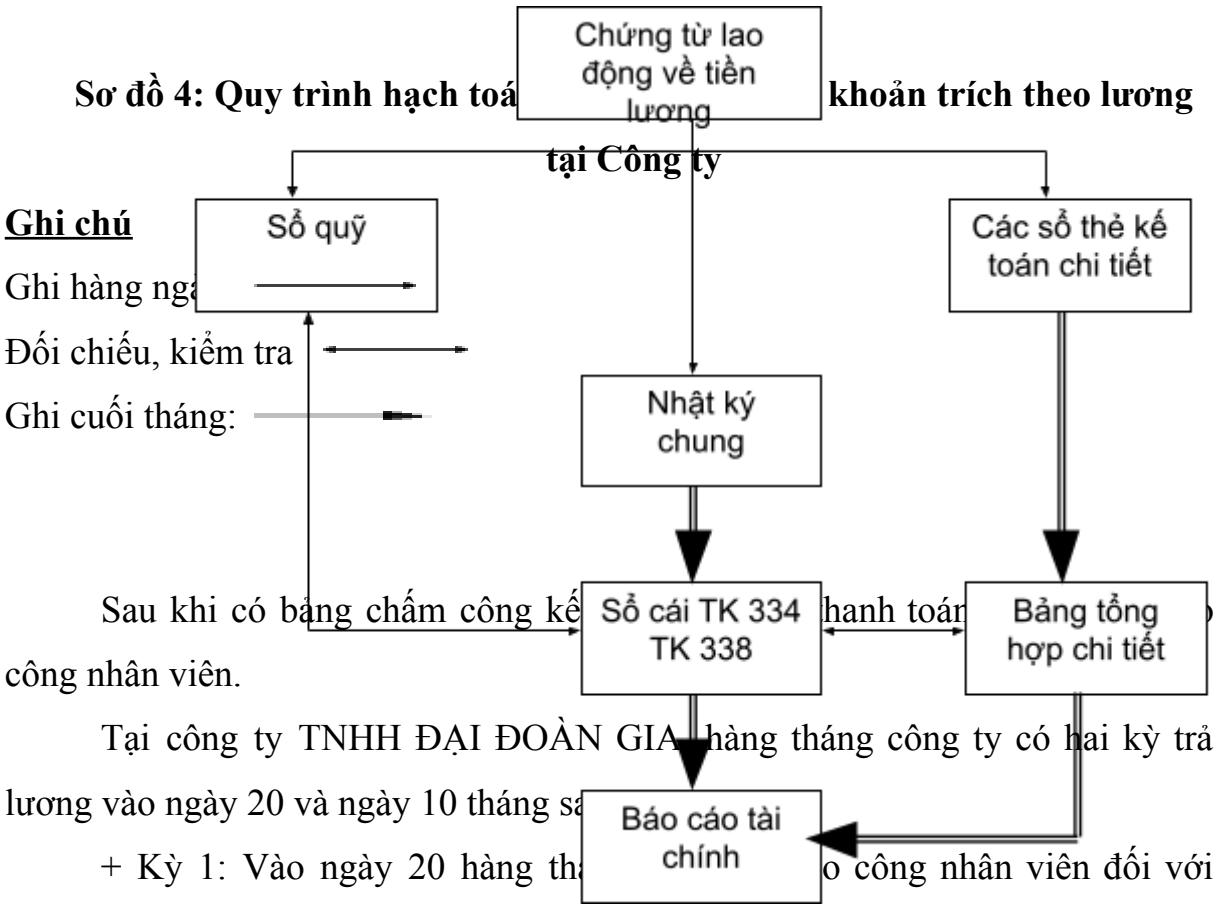
| Họ và tên | CV | Ngày trong tháng | | | | | | | | | | Số công hưởng lương sản phẩm | Số công hưởng lương thời gian | Số công nghỉ việc hưởng 100% lương | Số công nghỉ việc hưởng …% lương | Số công hưởng BHXH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 CN | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | … | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 |
| Trần Anh Tuấn | TP | + | + | CN | + | H | + | + | … | + | | | 24 | 2 | | |
| Bùi Xuân Trường | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Nguyễn Nam Hà | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Đỗ Quốc Chính | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Đặng Mạnh Hùng | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Trần Văn Dũng | NV | P | P | CN | + | + | + | + | … | + | | | 23 | 3 | | |
| Bùi Xuân Thức | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Đinh Xuân Chiến | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Lê Hữu Trang | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Đỗ Đức Tâm | NV | + | + | CN | + | + | + | + | … | + | | | 25 | 1 | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | | | 247 | 13 | | |

**Người chấm công** **Phụ trách bộ phận** **Người duyệt**

## 2.4.Quy trình hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Để đảm bảo cho việc hạch tóan tiền lương được thuận lợi cũng như phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ, hiệu quả cao, công ty đã vận dụng quy trình hạch toán như sau:

**Sơ đồ 4: Quy trình hạch toán khoản trích theo lương tại Công ty**




Sau khi có bảng chấm công kế hanh toán công nhân viên.

Tại công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA hàng tháng công ty có hai kỳ trả lương vào ngày 20 và ngày 10 tháng sa

+ Kỳ 1: Vào ngày 20 hàng th o công nhân viên đối với những người có tham gia lao động trong tháng.

+ Kỳ 2: Vào ngày 10 tháng sau, sau khi tính lương và các khoản phải trả công nhân viên trong tháng, công ty thanh toán nôt số tiền còn được lĩnh trong tháng trước cho công nhân viên sau khi đã trừ đi các khoản khấu trừ.

Bảng thanh toán tạm ứng dùng để theo dõi tình hình trả tiền lương tạm ứng cho công nhân viên trong tháng và làm cơ sở để cuối tháng tính tiền lươngphải trả cho công nhân viên. Dựa vào số tiền tạm ứng thực tế của công nhân viên để ghi. Công ty quy định mức tạm ứng như sau:

+ Tổng giám đốc, Giám đốc, Trưởng phòng, Tổ trưởng: 1,500,000 (đồng)

+ Nhân viên: 1,000,000 (đồng)

Ta có Bảng Thanh toán tạm ứng lương kỳ 1 của bộ phận bán hàng như sau:

Bộ phận: Bán hàng.

| **STT** | **Họ và tên** | **CV** | **Số tiền tạm ứng (Đồng)** | **Ký nhận** |
|---|---|---|---|---|
| A | B | C | D | E |
| 1 | Trần Quyết Thắng | TT | 1,500,000 | |
| 2 | Hoàng Liên Sơn | NV | 1000,000 | |
| 3 | Bùi Ngọc Liên | NV | 1,000,000 | |
| 4 | Hà Thanh Hằng | NV | 1,000,000 | |
| 5 | Hoàng Mai Nhung | NV | 1,000,000 | |
| | Cộng | | 4,500,000 | |

Trong đó :

Cột A: Số thứ tự

Cột B: Họ và tên công nhân viên tạm ứng lương.

Cột C: Cấp bậc chức vụ của từng công nhân

Cột D: Số tiền mà công nhân viên tạm ứng lương.

Cột E: Ký nhân của từng công nhân sau khi nhận tiền tạm ứng.

Tương tự ta có tiền tạm ứng của các bộ phận khác.

Cụ thể ta có

**BẢNG THANH TOÁN TẠM ỨNG LƯƠNG KỲ 1**

Tháng 04 năm 2013

| **Bộ phận, phòng ban** | **Số tiền tạm ứng (đồng)** |
|---|---|
| Tổ chức hành chính | 5,500,000 |
| Tài chính kế toán | 7,500,000 |

| | |
|---|---|
| Kế hoạch | 5,500,000 |
| Marketing | 5,500,000 |
| Bán hàng | 5,500,000 |
| Kho | 10,500,000 |
| Cộng | 30,000,000 |

Khi muốn tạm ứng người có trách nhiệm của các bộ phận sẽ lập một giấy đề nghi tạm ứng và gửi lên giám đốc để xin xét duyệt. Trong giấy đề nghị tạm ứng phải ghi rõ số tiền tạm ứng, lý do tạm ứng, Sau đó Giấy đề nghị tạm ứng này sẽ được chuyển cho kế toán trưởng và kế toán trưởng xem xét và ghi ý kiến đề nghị. Căn cứ vào quyết định của Giám đốc và kế toán trưởng,kế toán thanh toán lập phiếu chi kèm theo Giấy đề nghị tạm ứng, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ.

### 2.5. Nội dung và trình tự kế toán lao đông tiền lương.

#### 2.5.1. Hình thức trả lương và phạm vi áp dụng.

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA áp dụng hình thức trả lương thời gian được áp dụng đối với nhân viên khối văn phòng của công ty tại các phòng ban quản lý và được tính theo thời gian làm việc, cấp bậc và thang lương của người lao động.

Theo chế độ hiện hành,tháng 01 năm 2013,công ty áp dụng mức lương cơ bản là 2600000 (đồng) ngày công chế độ là 26 (ngày).

Hạch toán về thời gian lao động: các phòng ban sử dụng "Bảng chấm công" để theo dõi thời gian làm việc thực hàng ngày của từng công nhân viên. Phòng tổ chức hành chính sẽ cử nhân viên của phòng đi kiểm tra giám sát tình hình lao động, thời gian lao động của từng phòng ban...Cuối tháng, bảng chấm công gửi về phòng tổ chức để kiểm tra đối chiếu và sau đó được gửi về phòng kế toán để

thực hiện tính lương phải trả cho công nhân viên hưởng lương theo thời gian.

Phương pháp tính cụ thể như sau:

$$\text{Tiền lương Thời gian} = \frac{\text{HSL x Ltt}}{26} \text{ x } \text{Số ngày Làm việc thực tế}$$

Trong đó:

HSL: hệ số cấp bậc công nhân theo quy định của Nhà nước.

Ltt: tiền lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước (tính đến thời điểm hiện tại)

Số ngày làm việc thực tế là số ngày thực tế người lao động đi làm trong tháng

Ngoài ra người lao động trong Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA còn được hưởng một số nguồn thu nhập khác như:

* Phụ cấp trách nhiệm:

Công ty trả phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên nhằm bù đắp cho những người làm công tác chuyên môn nghiệp vụ hoặc là công việc đi hỏi tinh thần trách nhiệm cao.

Tại Công ty, phụ cấp trách nhiệm công nhân viên được hưởng như sau:

| Chức vụ | Số tiền trợ cấp (Đồng) |
|---|---|
| Tổng giám đốc | 1000,000 |
| Giám đốc | 900,000 |
| Trưởng phòng | 800,000 |
| Tổ trưởng | 500,000 |
| Nhân viên | 100,000 |

**Biểu 8: Phụ cấp trách nhiệm được hưởng tại Công ty TNHH ĐẠI**

**ĐOÀN GIA**

* Phụ cấp làm thêm

Phụ cấp làm thêm ở Công ty áp dụng cho cán bộ công nhân viên làm việc hưởng lương thời gian, khi tính chất công việc đi hỏi phải khẩn trương để thực hiên các hợp đồng kinh tế.

Mục đích công ty trả phụ cấp làm thêm để bù đắp cho người lao động phải làm thêm giờ nên hao phí sức lao động tăng lên và ảnh hưởng đến trạng thái sinh lý của cơ thể. Mức phụ cấp và cách tính trả:

+ 50% tiền lương làm việc ban ngày cho những ngày làm thêm vào ngày làm việc.

+ 120% tiền lương làm việc thêm ngày cho những ngày làm thêm vào ngày chủ nhật.

+ 200% tiền lương làm việc ban ngày cho những ngày làm thêm vào ngày nghỉ lễ tết.

$$\textbf{Mức lương ngày} = \frac{\textbf{Hệ số lương x Tiền lương tối thiểu}}{26}$$

$$\textbf{Phụ cấp làm Thêm tháng} = \textbf{Mức lương ngày} \times \textbf{Tỷ lệ \% được hưởng} \times \textbf{Số ngày làm việc Thêm thực tế}$$

Việc theo dõi số công làm thêm của người lao động được công ty căn cứ theo bảng danh sách cán bộ, công nhân viên đi làm thêm. Bảng này dùng để theo dõi thời gian cán bộ, công nhân viên đi làm thêm vào các ngày chủ nhật, lễ tết hoặc làm thêm vào buổi đêm để trả lương làm thêm cho các cán bộ công nhân viên làm thêm hưởng lương thời gian. Dựa vào tình hình làm việc thực tế của nhân viên để lên danh sách, rồi từ đó đếm xem có bao nhiêu ngày đi làm them và tính ra số tiền mà nhân viên đó được hưởng.

Ví dụ: Tháng 04 năm 2013 có 30 ngày trong đó có 4 ngày chủ nhật và 1 ngày nghỉ lễ ( ngày 30 tháng 04: ngày thành lập quân đội nhân nhân Việt Nam).

* Ông Lê Sỹ Đông: số ngày làm thêm thực tế là: 1 ngày chủ nhật và 1 ngày lễ.

$$\text{Mức lương ngày Của ông Đông} = \frac{\textbf{Hệ số lương x Tiền lương tối thiểu}}{26}$$

$$= \frac{2{,}16 \times 980{,}000}{26} = = 81{,}415 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Phụ cấp làm thêm ngày chủ nhật của ông Đông} = \text{Mức lương ngày} \times 120\% \times \text{Số ngày làm thêm thực tế}$$

$$= 81{,}415 \times 120\% \times 1$$

$$= 97{,}698 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Phụ cấp làm thêm ngày lễ tết của ông Đông} = \text{Mức lương ngày} \times 200\% \times \text{Số ngày làm thêm thực tế}$$

$$= 81{,}415 \times 200\% \times 1$$

$$= 162{,}830 \text{ (đồng)}$$

Vậy tổng số tiền phụ cấp làm thêm mà ông Đông sẽ được nhận trong tháng 04 năm 2013 là:

$$81{,}415 + 162{,}830 = 244{,}245 \text{ (đồng)}$$

* Ông Đỗ Đức Tâm: số ngày làm thêm thực tế là 2 ngày chủ nhật

$$\text{Mức lương ngày Của ông T©m} = \frac{\text{Hệ số lương x Tiền lương tối thiểu}}{26}$$

$$= \frac{1.25 \times 980{,}000}{26}$$

$$= 47{,}115 \text{ (đồng)}$$

+ Các nhân viên khác tương tự, từ đó ta có bảng thanh toán tiền làm thêm giờ sau:

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LÀM THÊM GIỜ**

Tháng 04 năm 2013

| STT | Họ và tên | HSL | Số công làm thêm | | | Thành tiền (Đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày làm việc (50%) | Ngày CN ( 120%) | Ngày lễ tết (200%) | |
| 1 | Lê Sĩ Đông | 2.16 | | 1 | 1 | 244,245 |
| 2 | Ngô Thị Sáng | 4.01 | | 1 | | 181,375 |
| 3 | Đỗ Công Tiến | 3.65 | | 1 | | 165,092 |
| 4 | Lê Thị Lụa | 2.37 | | 1 | | 107,197 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Lê Anh Đức | 2.61 | | | 1 | 196,754 |
| 6 | Trần Anh Tuấn | 2.2 | | 2 | | 199,015 |
| 7 | Đỗ Quốc Chính | 1.78 | | 1 | | 80,511 |
| 8 | Trần Văn Dũng | 1.55 | | | 1 | 116,846 |
| 9 | Đỗ Đức Tâm | 1.25 | | 2 | | 113,077 |
| 9 | Cộng | | | 9 | 3 | 1,404,112 |

*Tổng số tiền (viết bằng chữ): một triệu bốn trăm linh bốn nghìn một trăm mười hai đồng chẵn.*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký,họ tên) |

* Tiền thưởng.

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA áp dụng chế độ tiền thưởng nhằm khuyến khích công nhân viên hoàn thành vượt mức công việc được giao.

Hiện nay, tại Công ty TNHH Đại Đoàn Giacó các hình thức thưởng như sau:

+ Thưởng thường xuyên: là hình thức gắn liền với việc nâng cao năng suấtlao động. Xét về thực chất, hình thức thưởng thường xuyên này nhằm quán triệt hơn nữa hình thức phân phối theo lao động. Cán bộ công nhân viên sẽ được nhận tiền thưởng vào các ngày lễ tết.

+ Thưởng định kỳ: là hình thức nhằm bổ xung thêm thu nhập cho người lao động. Hình thức này căn cứ vào kết quả hoạt đông kinh doanh trong kỳ gắn người lao động với tập thể và công ty.Hình thức này được công ty áp

dụng dưới hình thức thi dua vào dịp cuối năm.

Nguồn tiền thưởng từ quỹ lương, từ lợi nhuận.

Mức thưởng: nhằm khuyến khích người lao động, cụ thể:

+ Tổng giám đốc: 800,000 (đồng)

+ Giám đốc: 500,000 (đồng)

+ Trưởng phòng: 400,000 (đồng)

+ Tổ trưởng: 300,000 (đồng)

+ Đối với nhân viên: Xếp loại A: 200,000 (đồng)

Xếp loại B: 100,000 (đồng)

Việc theo dõi mức độ thưởng của từng công nhân được ghi chi tiết trong Bảng thanh toán tiền thưởng. Bảng thanh toán tiền thưởng là chứng từ xác nhận số tiền thưởng cho từng nhân viên, làm cơ sở để tính thu nhập cho nhân viên và ghi sổ kế toán. Bảng này do phòng kế toán lập theo từng bộ phận và phải có chữ ký của người lập, Kế toán trưởng và giám đốc.

Ví dụ: Tháng 04 năm 2013 ta có Bảng thanh toán tiền thưởng như sau:

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG**

Bộ phận: Tổ chức hành chính.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | CV | HSL | Mức thưởng | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Xếp loại | Số tiền (Đồng) |
| 1 | Phùng Đoài Tùng | TP | 4,01 | | 400,000 |
| 2 | Trần Vũ Công | NV | 2,54 | A | 200,000 |
| 3 | Lê Sĩ Đông | NV | 2,16 | B | 100,000 |
| 4 | Nguyễn Thị Hà | NV | 3,65 | A | 200,000 |
| 5 | Nguyễn Thị Hương | NV | 3,48 | A | 200,000 |
| | Cộng | | | | 1,100,000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG**

Bộ phận: Tổ chức hành chính.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | CV | HSL | Mức thưởng | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Xếp loại | Số tiền (Đồng) |
| 1 | Ngô Thị Sáng | TP | 4.01 | | 400,000 |
| 2 | Nguyễn Thị Hồng | NV | 2.16 | A | 200,000 |
| 3 | Bùi Quang Trung | NV | 2.25 | B | 100,000 |
| 4 | Trần Tuấn Anh | NV | 2.61 | A | 200,000 |
| 5 | Lê Duẩn | NV | 2.25 | B | 100,000 |
| 6 | Đinh Phương Thảo | NV | 2.54 | A | 200,000 |
| 7 | Nguyễn Thi Hằng | NV | 2.16 | B | 100,000 |
| | Cộng | | | | 1,300,000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG**

Bộ phận: Kế hoạch.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | CV | HSL | Mức thưởng | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Xếp loại | Số tiền (Đồng) |
| 1 | Đỗ Công Tiến | TP | 3.65 | | 400,000 |
| 2 | Trần Thanh Nga | NV | 2.55 | A | 200,000 |
| 3 | Lê Thị Lụa | NV | 2.37 | A | 200,000 |
| 4 | Nguyễn Việt Anh | NV | 2.25 | A | 200,000 |
| 5 | Nguyễn Thị Mai | NV | 2.54 | A | 200,000 |
| | Cộng | | | | 1,200,000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

## BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG

Bộ phận:Marketing.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | CV | HSL | Mức thưởng | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Xếp loại | Số tiền (Đồng) |
| 1 | Đàm Mạnh Trung | TP | 3.65 | | 400,000 |
| 2 | Hoàng Hữu Hạnh | NV | 2.25 | A | 200,000 |
| 3 | Lương Mạnh Hải | NV | 2.16 | A | 200,000 |
| 4 | Phạm Thùy Chi | NV | 2.54 | A | 200,000 |
| 5 | Lê Anh Đức | NV | 2.61 | B | 200,000 |
| | Cộng | | | | 1,200,000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG**

Bộ phận:Bán hàng.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | CV | HSL | Mức thưởng | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Xếp loại | Số tiền (Đồng) |
| 1 | Trần Quyết Thắng | TT | 3.65 | | 300,000 |
| 2 | Hoàng Liên Sơn | NV | 2.54 | A | 200,000 |
| 3 | Bùi Nọc Liên | NV | 2.16 | A | 200,000 |
| 4 | Hà Thanh Hằng | NV | 2.25 | A | 200,000 |
| 5 | Hoàng Mai Nhung | NV | 2.55 | A | 200,000 |
| | Cộng | | | | 1,100,000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG**

Bộ phận:Kho

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | CV | HSL | Mức thưởng | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Xếp loại | Số tiền (Đồng) |
| 1 | Trần Anh Tuấn | TT | 2.2 | | 300,000 |
| 2 | Bùi Xuân Trường | NV | 1.55 | A | 200,000 |
| 3 | Nguyễn Nam Hà | NV | 1.55 | A | 200,000 |
| 4 | Đỗ Quốc Chính | NV | 1.78 | B | 100,000 |
| 5 | Đặng Mạnh Hùng | NV | 2.01 | A | 200,000 |
| 6 | Trần Văn Dũng | NV | 1.55 | A | 200,000 |
| 7 | Bùi Xuân Thức | NV | 1.78 | A | 200,000 |
| 8 | Đinh Xuân Chiến | NV | 1.55 | A | 200,000 |
| 9 | Lê Hữu Trang | NV | 1.64 | A | 200,000 |
| 10 | Đỗ Đức Tâm | NV | 1.25 | A | 200,000 |
| | Cộng | | | | 2,000,000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu đồng chẵn.

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

*Tiền ăn ca.

Theo dõi số tiền ăn mà mỗi công nhân được hưởng, dùng làm căn cứ thanh toán tiền ăn ca cho công nhân, và làm cơ sở lên bảng thanh toán lương của các bộ phận.

Dựa vào bảng chấm công hàng ngày để chấm công số suất ăn ca mà từng người được hưởng,mỗi ngày 1 suất ăn ca trị giá là 30,000 (đồng) do công ty trả cho công nhân vào cuối tháng. Nếu đi làm ngày nào th́ được hưởng tiền ăn ca ngày đó.

Cụ thể ta có ví dụ như sau: Bà Bùi Ngọc Liên có 25 ngày làm việc thực tế do đó có 25 suất ăn ca. Số tiền ăn mà bà Liên được hưởng là:

30,000 x 25 =750,000 (đồng)

+ Các nhân viên khác tương tự, từ đó ta có bảng kê chi tiết ăn ca của các bộ phận như sau:

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN ĂN CA**

Bộ phận: Tổ chức hành chính.

Tháng 04 năm 2013

| STT | Họ và tên | Tổng số suất ăn trong tháng | Số tiền ăn ca được hưởng trong tháng (Đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Phùng Đoài Tùng | 25 | 750,000 |
| 2 | Trần Vũ Công | 25 | 750,000 |
| 3 | Lê Sĩ Đông | 25 | 750,000 |
| 4 | Nguyễn Thị Hà | 25 | 750,000 |
| 5 | Nguyễn Thị Hương | 25 | 750,000 |
| | Cộng | 125 | 3,750,000 |

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN ĂN CA**

Bộ phận: Tài chính kế toán

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | Tổng số suất ăn trong tháng | Số tiền ăn ca được hưởng trong tháng (Đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Ngô Thị Sáng | 25 | 750,000 |
| 2 | Nguyễn Thị Hồng | 25 | 750,000 |
| 3 | Bùi Quang Trung | 25 | 750,000 |
| 4 | Trần Tuấn Anh | 25 | 750,000 |
| 5 | Lê Duẩn | 25 | 750,000 |
| 6 | Đinh Phương Thảo | 25 | 750,000 |
| 7 | Nguyễn Thi Hằng | 25 | 750,000 |
| | Cộng | 175 | 5,250,000 |

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN ĂN CA**

Bộ phận: Kế hoạch

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | Tổng số suất ăn trong tháng | Số tiền ăn ca được hưởng trong tháng (Đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Công Tiến | 25 | 750,000 |
| 2 | Trần Thanh Nga | 25 | 750,000 |
| 3 | Lê Thị Lụa | 25 | 750,000 |
| 4 | Nguyễn Việt Anh | 25 | 750,000 |
| 5 | Nguyễn Thị Mai | 25 | 750,000 |
| | Cộng | 125 | 3,750,000 |

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN ĂN CA**

Bộ phận: Marketing.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | Tổng số suất ăn trong tháng | Số tiền ăn ca được hưởng trong tháng (Đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Đàm Mạnh Trung | 25 | 750,000 |
| 2 | Hoàng Hữu Hạnh | 25 | 750,000 |
| 3 | Lương Mạnh Hải | 25 | 750,000 |
| 4 | Phạm Thuy Chi | 25 | 750,000 |
| 5 | Lê Anh Đức | 25 | 750,000 |
| | Cộng | 125 | 3,750,000 |

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN ĂN CA**

Bộ phận:Bán hàng.

Tháng 04 năm 2013.

| STT | Họ và tên | Tổng số suất ăn trong tháng | Số tiền ăn ca được hưởng trong tháng (Đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Quyết Thắng | 25 | 750,000 |
| 2 | Hoàng Liên Sơn | 25 | 750,000 |
| 3 | Bùi Ngọc Liên | 25 | 750,000 |
| 4 | Hà Thanh Hằng | 25 | 750,000 |
| 5 | Hoàng Mai Nhung | 25 | 750,000 |
| | Cộng | 125 | 3,750,000 |

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN ĂN CA**

Bộ phận:Kho.

Tháng 04 năm 2013

| STT | Họ và tên | Tổng số suất ăn trong tháng | Số tiền ăn ca được hưởng trong tháng (Đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Anh Tuấn | 25 | 750,000 |
| 2 | Bùi Xuân Trường | 25 | 750,000 |
| 3 | Nguyễn Nam Hà | 25 | 750,000 |
| 4 | Đỗ Quốc Chính | 25 | 750,000 |
| 5 | Đặng Mạnh Hùng | 25 | 750,000 |
| 6 | Trần Văn Dũng | 25 | 750,000 |
| 7 | Bùi Xuân Thức | 25 | 750,000 |
| 8 | Đinh Xuân Chiến | 25 | 750,000 |
| 9 | Lê Hữu Trang | 25 | 750,000 |
| 10 | Đỗ Đức Tâm | 25 | 750,000 |
| | Cộng | 250 | 7,500,000 |

### 2.5.2 Phương pháp lập Bảng thanh toán lương của Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA, việc trả lương cho người lao động căn cứ vào thời gian,chất lượng và kết quả mà họ dã cống hiến. Cuối tháng căn cứ vào chứng từ liên quan, kế toán tiền lương lập Bảng thanh toán tiền lương chuyển cho kế toán trưởng soát, xong tính cho ban giám đốc ký duyệt, chuyển cho kế toán lập phiếu chi và phát lương. Mỗi lần lĩnh lương người lao động phải trực tiếp ký nhận. Bảng thanh toán tiền lương công ty áp dụng theo mẫu 01 LĐTL.

Bảng thanh toán tiền lương là chứng từ làm căn cứ để thanh toán tiền

lương, phụ cấp,các khoản thu nhập tăng thêm ngoài lương cho người lao động, kiểm tra việc thanh toán tiền lương của người lao động làm việc trong công ty đồng thời làm căn cứ để thống kê về lao động tiền lương.

Phương pháp lập:

+ Cột A: Họ và tên.

+ Cột 1: Chức vụ của nhân viên.

+ Cột 2: Hệ số lương theo quy định của nhà nước.

+ Cột 3: Ghi số công thời gian thực tế.

+ Cột 4: Ghi số tiền lương được hưởng tính theo thời gian.

+ Cột 5: Phụ cấp trách nhiệm.

+ Cột 6: Phụ cấp làm thêm giờ.

+ Cột 7: Tiền thưởng.

+ Cột 8: Phụ cấp ăn ca.

+ Cột 9: Tổng thu nhập trong tháng của từng công nhân.

Cột 9 = cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8.

+ Cột 10: BH là 9,5% trong đó: BHXH (7%), BHYT (1,5%), BHTN (1%) phải trích theo quy định.

+ Cột 11: Số tiền tạm ứng 9 (theo Bảng thanh toán tạm ứng lương kỳ 1)

+ Cột 12: Tổng các khoản phải khấu trừ vào lương.

Cột = cột 10 + cột 11.

+ Cột 13: Số tiền còn lĩnh cuối tháng của công nhân viên.

Sau khi có đầy đủ các chứng từ về lao động tiền lương và các khoản khác thì tính lương cho từng công nhân viên.

$$\text{Lương nghỉ để học, Họp, phép} = \text{Số công nghỉ để học họp, phép} \times \frac{980{,}000 \times \text{HSL}}{26}$$

$$\text{+ Trợ cấp BHXH} = \frac{980{,}000 \times \text{HSL}}{26} \times \text{Số công BHXH}$$

+ Số công BHXH là số ngày nghỉ do bị ốm, thai sản, tai nạn, con ốm. Được phòng hành chính nhân sự cấp giấy chứng nhận

Ví dụ: Tính lương phải trả cho nhân viên tháng 04 năm 2013 như sau:

Mức lương tối thiểu áp dụng tại Công ty tính đến tháng 04 năm 2013là 980,000 (đồng) ngày công chế độ là 26 ( ngày). Trong tháng 04 năm 2013 có 1 ngày nghỉ lễ kỉ niệm là ngày 30/4, nên công ty quyết định thưởng cho toàn bộ công nhân viên theo mức quy định của công ty.

+ Tiền lương của ông Phùng Đoài Tùng, trưởng phòng tổ chức hành chính tháng 04/2013 như sau:

Hệ số lương của ông Tùng là 4,01. Số ngày làm việc thực tế của ông Tùng là 25 ngày, tháng có 1 ngày nghỉ lễ 30/04. Do đó số công thời gian hưởng 100% của ông Tùng là 26 công. Vậy tiền lương tháng của ông Tùng là :

$$\text{Lương tháng của Ông Tùng là} = \frac{4.01 \times 980{,}000}{26} \times 26 = 3{,}928{,}800$$

Ông Tùng là trưởng phòng nên được thưởng 400,000 (đồng), phụ cấp trách nhiệm là 800,000 (đồng)

Theo bảng thanh toán tiền ăn ca thì ông Tùng được hưởng 750,000 (đồng)

Tổng lương và các khoản thu nhập trong tháng của ông tùng là:

3,929,800 + 400,000 + 800,000+ 750,000 = 5,879,800 (đồng)

Số tiền bảo hiểm là 9.5% trong đó BHXH(7%), BHYT(1.5%),BHTN(1%) khấu trừ vào lương tháng 04 năm 2013 là:

980,000 x 4.01 x 8.5% =334,033 (đồng)

Số tiền tạm ứng là 1,500,000

Tổng các khoản khấu trừ vào lương tháng 04 năm 2013 là:

334,033 + 1,500,000 = 1,834,033 (đồng)

Số tiền lương cn lĩnh là:

5,879,800 – 1 834,033 = 4,045,767 ( đồng)

* Tiền lương của ông Trần Văn Dũng, nhân viên bộ phận kho tháng 04 năm 2013 như sau:

Hệ số lương của ông Dũng là 1,55. Số ngày làm việc thực tế của ông Dũng là 25 ngày, tháng có một ngày nghỉ 30/4.Do đó số công hưởng 100% của ông Dũng là 26 công. Vậy tiền lương tháng của ông Dũng là:

$$\text{Lương tháng của Ông Dũng} = \frac{1.55 \times 980{,}000}{26} \times 26 = 1{,}519{,}000 \text{ (đồng)}$$

Trong tháng này,ông Dũng đã hoàn thành công việc xuất sắc và được xếp loại A, ông Dũng là nhân viên nên sẽ được thưởng 200,000 (đồng) ,phụ cấp trách nhiệm là 100,000 (đồng) theo mức quy định của công ty.

Số tiền ăn ca ông Dũng được nhận là 750,000 (đồng) (theo bảng thanh toán tiền ăn ca).

Trong tháng ông Dũng có 1 công làm thêm giờ vào ngày 30/4 (theo bảng chấm công làm thêm giờ), mức phụ cấp mà ông Dũng được trả là 200% tiền lương làm việc ban ngày, tức là 116,846 (đồng)

Tổng lương và các khoản thu nhập trong tháng là:

1,159,000 + 200,000 + 750,000 + 100,000 + 116,846 = 2,325,846 (đồng)

Số tiền BH là 9.5% trong đó BHXH(7%), BHYT(1,5),BHTN(1%) khấu trừ vào lương tháng 04 năm 2013 là:

980,000 x 1.55 x 9.5% = 129,115 (đồng)

Số tiền tạm ứng là: 1,000,000 (đồng)

Tổng các khoản khấu trừ vào lương tháng 04 năm 2013 là:

1,000,000 + 129,115 = 1,129,115 (đồng)

Số tiền lương còn lĩnh là: 2,232,846 – 1,129,115 = 1,103,731( đồng)

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA.

Bộ phận: Tổ chức hành chính.

## BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
## Tháng 04 năm 2013

| Họ và tên | CV | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách nhiệm | Phụ cấp làm thêm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn ca | L. học, họp, phép | | Trợ cấp BHXH | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số công | số tiền | | | | | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Phùng Đoài Tùng | TP | 4.01 | 25 | 3,778,654 | 800,000 | | 400,000 | 750,000 | 1 | 151,146 | | | 5,728,654 | 334,033.0 | 1,500,000 | 1,834,033 | 3,894,621 |
| Trần Vũ Công | NV | 2.54 | 26 | 2,489,200 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,539,200 | 211,582.0 | 1,000,000 | 1,211,582 | 2,327,618 |
| Lê Sĩ Đông | NV | 2.16 | 26 | 2,116,800 | 100,000 | 244,254 | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,311,054 | 179,928.0 | 1,000,000 | 1,179,928 | 2,131,126 |
| Nguyễn Thị Hà | NV | 3.65 | 26 | 3,577,000 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 4,627,000 | 304,045.0 | 1,000,000 | 1,304,045 | 3,322,955 |
| Nguyễn Thị Hương | NV | 3.48 | 26 | 3,410,400 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 4,460,400 | 289,884.0 | 1,000,000 | 1,289,884 | 3,170,516 |
| Cộng | | 15.84 | 129 | 15,372,054 | 1,200,000 | 244,254 | 1,100,000 | 3,750,000 | 1 | 151,146 | 0 | 0 | 21,666,308 | 1,319,472 | 5,500,000 | 6,819,472 | 14,846,836 |

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng.

**Người lập biểu** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký , họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận tài chính kế toán

# BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
## Tháng 04 năm 2013

| Họ và tên | CV | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách | Phụ cấp làm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn | L. học, họp, phép | | Trợ cấp BHXH | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số công | số tiền | nhiệm | thêm | | ca | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Ngô Thị Sáng | TP | 4.01 | 25 | 3,778,653.85 | 800,000 | 181,375 | 400,000 | 750,000 | 1 | 151,146 | | | 5,910,029 | 334,033.00 | 1,500,000 | 1,834,033.00 | 4,075,995.80 |
| Nguyễn Thị Hồng | NV | 2.16 | 26 | 2,116,800.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,166,800 | 179,928.00 | 1,000,000 | 1,179,928.00 | 1,986,872.00 |
| Bùi Quang Trung | NV | 2.25 | 26 | 2,205,000.00 | 100,000 | | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,155,000 | 187,425.00 | 1,000,000 | 1,187,425.00 | 1,967,575.00 |
| Trần Tuấn Anh | NV | 2.61 | 26 | 2,557,800.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,607,800 | 217,413.00 | 1,000,000 | 1,217,413.00 | 2,390,387.00 |
| Lê Duẩn | NV | 2.25 | 26 | 2,205,000.00 | 100,000 | | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,155,000 | 187,425.00 | 1,000,000 | 1,187,425.00 | 1,967,575.00 |
| Đinh Phương Thảo | NV | 2.54 | 23 | 2,201,984.62 | 100,000 | | 200,000 | 690,000 | 2 | 191,477 | | | 3,191,985 | 211,582.00 | 1,000,000 | 1,211,582.00 | 1,980,402.60 |
| Nguyễn Thị Hằng | NV | 2.16 | 26 | 2,116,800.00 | 100,000 | | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,066,800 | 179,928.00 | 1,000,000 | 1,179,928.00 | 1,886,872.00 |
| Công | | 18 | 178 | 17,182,038.46 | 1,400,000 | 181,375 | 1,300,000 | 5,190,000 | 3 | 342,623 | 0 | 0 | 25,253,413 | 1,497,734 | 7,500,000 | 8,997,734 | 16,255,679 |

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười sáu triệu hai trăm linh năm nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng.

**Người lập biểu** **Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký , họ tên) (Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Kế hoạch.

# BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
## Tháng 04 năm 2013

| Họ và tên | CV | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách nhiệm | Phụ cấp làm thêm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn ca | Lương học, họp, phép | | Trợ cấp BHXH | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số công | số tiền | | | | Số công | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Đỗ Công Tiến | TP | 3.65 | 25 | 3,439,423.10 | 800,000 | 165,092 | 400,000 | 750,000 | 1 | 137,577 | | | 5,554,515 | 304,045.00 | 1,500,000 | 1,804,045 | 3,750,470.10 |
| Trần Thanh Nga | NV | 2.55 | 26 | 2,499,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,549,000 | 212,415.00 | 1,000,000 | 1,212,415 | 2,336,585.00 |
| Lê Thị Lụa | NV | 2.37 | 26 | 2,322,600.00 | 100,000 | 107,197 | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,379,797 | 197,421.00 | 1,000,000 | 1,197,421 | 2,182,376.00 |
| Nguyễn Việt Anh | NV | 2.25 | 26 | 2,205,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,255,000 | 187,425.00 | 1,000,000 | 1,187,425 | 2,067,575.00 |
| Nguyễn Thị Mai | NV | 2.54 | 26 | 2,489,200.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,539,200 | 211,582.00 | 1,000,000 | 1,211,582 | 2,327,618.00 |
| cộng | | 13.36 | 129 | 12,955,223.10 | 1,200,000 | 272,289 | 1,100,000 | 3,750,000 | 1 | 137,577 | 0 | 0 | 19,277,512 | 1,112,888.00 | 5,500,000 | 6,612,888 | 12,664,624.10 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tư nghín sáu trăm hai mươi bốn phẩy một đồng.

**Người lập biểu** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Marketing.

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**
**Tháng 04 năm 2013**

| Họ và tên | CV | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách nhiệm | Phụ cấp làm thêm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn ca | . học, họp, phí | | Trợ cấp BHXH | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số công | số tiền | | | | | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Đàm Mạnh Trung | TP | 3.65 | 25 | 3,439,423.10 | 800,000 | | 400,000 | 750,000 | 1 | ##### | | | 5,389,423 | 304,045.00 | 1,500,000 | 1,804,045 | 3,585,378.10 |
| Hoàng Hữu Hạnh | NV | 2.25 | 26 | 2,205,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,255,000 | 187,425.00 | 1,000,000 | 1,187,425 | 2,067,575.00 |
| Lương Mạnh Hải | NV | 2.16 | 26 | 2,116,800.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,166,800 | 179,928.00 | 1,000,000 | 1,179,928 | 1,986,872.00 |
| Phạm Thuỳ Chi | NV | 2.54 | 23 | 2,201,984.60 | 100,000 | | 200,000 | 690,000 | | | 2 | ##### | 3,191,985 | 211,582.00 | 1,000,000 | 1,211,582 | 1,980,402.60 |
| Lê Anh Đức | NV | 2.61 | 26 | 2,557,800.00 | 100,000 | 196,754 | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,704,554 | 217,413.00 | 1,000,000 | 1,217,413 | 2,487,141.00 |
| cộng | | 13.21 | 126 | 12,521,007.70 | 1,200,000 | 196,754 | 1,100,000 | 3,690,000 | 1 | ##### | 2 | ##### | 18,707,762 | 1,100,393.00 | 5,500,000 | 6,600,393 | 12,107,368.70 |

Tổng số tiền(viết bằng chữ):Mười hai triệu một trăm linh bảy nghìn ba trăm sáu mươi tám phẩy bẩy đồng.

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

C«ng ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA.
Bộ phận: Bán hàng.

# BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
## Tháng 04 năm 2013

| Họ và tên | CV | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách nhiệm | Phụ cấp làm thêm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn ca | . học, họp, phé | | ợ cấp BHX | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số công | số tiền | | | | Số công | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Trần Quyết Thắng | TP | 3.65 | 25 | 3,439,423.10 | 800,000 | | 400,000 | 750,000 | 1 | 137,577 | | | 5,389,423 | 304,045.00 | 1,500,000 | 1,804,045 | 3,585,378.10 |
| Hoàng Liên Sơn | NV | 2.54 | 26 | 2,489,200.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,539,200 | 211,582.00 | 1,000,000 | 1,211,582 | 2,327,618.00 |
| Bùi Ngọc Liên | NV | 2.16 | 26 | 2,116,800.00 | 100,000 | | 100,000 | 750,000 | | | | | 3,066,800 | 179,928.00 | 1,000,000 | 1,179,928 | 1,886,872.00 |
| Hà Thanh Hằng | NV | 2.25 | 26 | 2,205,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,255,000 | 187,425.00 | 1,000,000 | 1,187,425 | 2,067,575.00 |
| Hoàng Mai Nhung | NV | 2.55 | 26 | 2,499,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,549,000 | 212,415.00 | 1,000,000 | 1,212,415 | 2,336,585.00 |
| cộng | | 13.15 | 129 | 12,749,423.10 | 1,200,000 | 0 | 1,100,000 | 3,750,000 | 1 | 137,577 | 0 | 0 | 18,799,423 | 1,095,395.00 | 5,500,000 | 6,595,395 | 12,204,028.10 |

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười hai triệu hai trăm linh bốn nghìn không trăm hai mươi tám phẩy một đồng .

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký , họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Kho.

# BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
## Tháng 04 năm 2013

| Họ và tên | CV | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách nhiệm | Phụ cấp làm thêm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn ca | L. học, họp, phép | | Trợ cấp BHXH | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số công | số tiền | | | | | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Trần Anh Tuấn | TP | 2.2 | 25 | 2,073,076.92 | 500,000 | 199,051.00 | 400,000 | 750,000 | 1 | 82,923 | | | 3,922,128 | 183,260.00 | 1,500,000 | 1,683,260.00 | 2,238,867.90 |
| Bùi Xuân Trường | NV | 1.55 | 26 | 1,519,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 2,569,000 | 129,115.00 | 1,000,000 | 1,129,115.00 | 1,439,885.00 |
| Nguyễn Nam Hà | NV | 1.55 | 26 | 1,519,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 2,569,000 | 129,115.00 | 1,000,000 | 1,129,115.00 | 1,439,885.00 |
| Đỗ Quốc Chính | NV | 1.78 | 26 | 1,744,400.00 | 100,000 | 80,511.00 | 100,000 | 750,000 | | | | | 2,774,911 | 148,274.00 | 1,000,000 | 1,148,274.00 | 1,626,637.00 |
| Đặng Mạnh Hùng | NV | 2.01 | 26 | 1,969,800.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 3,019,800 | 167,433.00 | 1,000,000 | 1,167,433.00 | 1,852,367.00 |
| Trần Văn Dũng | NV | 1.55 | 23 | 1,343,730.77 | 100,000 | 116,846.00 | 200,000 | 690,000 | 2 | 116,846 | | | 2,450,577 | 129,115.00 | 1,000,000 | 1,129,115.00 | 1,321,461.80 |
| Bùi Xuân Thức | NV | 1.78 | 26 | 1,744,400.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 2,794,400 | 148,274.00 | 1,000,000 | 1,148,274.00 | 1,646,126.00 |
| Đinh Xuân Chiến | NV | 1.55 | 26 | 1,519,000.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 2,569,000 | 129,115.00 | 1,000,000 | 1,129,115.00 | 1,439,885.00 |
| Lê Hữu Trang | NV | 1.64 | 26 | 1,607,200.00 | 100,000 | | 200,000 | 750,000 | | | | | 2,657,200 | 136,612.00 | 1,000,000 | 1,136,612.00 | 1,520,588.00 |
| Đỗ Đức Tâm | NV | 1.25 | 26 | 1,225,000.00 | 100,000 | 113,077.00 | 200,000 | 750,000 | | | | | 2,388,077 | 104,125.00 | 1,000,000 | 1,104,125.00 | 1,283,952.00 |
| cộng | | 17 | 256 | 16,264,607.69 | 1,400,000 | 509,485.00 | 2,100,000 | 7,440,000 | 3 | 199,769 | 0 | 0 | 27,714,093 | 1,404,438 | 10,500,000 | 11,904,438 | 15,809,655 |

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười lăm triệu tám trăm linh chín nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng.

**Người lập biểu** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Bộ phận: Tổ chức hành chính.

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG TOÀN DOANH NGHIỆP**

**Tháng 04 năm 2013**

| Họ tên, bộ phận | HSL | Lương thời gian | | Phụ cấp trách nhiệm | Phụ cấp làm thêm | Tiền thưởng | Phụ cấp ăn ca | L. học, họp, phép | | Trợ cấp BHXH | | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | Còn lĩnh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sốcông | số tiền | | | | | Số công | Tiền | Số công | Tiền | | BH | Tạm ứng | Cộng | |
| A | 1 | 2 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| Tổng giám đốc | 4.29 | 25 | 4,042,500.00 | 1,000,000 | | 800,000 | 750,000 | 1 | 161,700 | | | 6592500 | 357,357.00 | | 357,357.00 | 6,235,143.00 |
| Giám đốc | 4.16 | 25 | 3,920,000.00 | 900,000 | | 500,000 | 750,000 | 1 | 156,800 | | | 6070000 | 346,528.00 | | 346,528.00 | 5,723,472.00 |
| Tổ chức hành chính | 15.84 | 129 | 15,372,054.00 | 1,200,000 | 244,254.00 | 1,100,000 | 3,750,000 | 1 | 151,196.00 | | | 21666308 | 1,319,472.00 | 5,500,000 | 6,819,472.00 | 14,846,836.00 |
| Tài chính kế toán | 17.98 | 178 | 17,182,038.46 | 1,400,000 | 181,375.00 | 1,300,000 | 5,190,000 | 3 | 342,623.00 | | | 25253413.5 | 1,497,734.00 | 7,500,000 | 8,997,734.00 | 16,255,679.50 |
| Kế hoạch | 13.36 | 129 | 12,955,223.10 | 1,200,000 | 272,289.00 | 1,100,000 | 3,750,000 | 1 | 137,577.00 | | | 19277512.1 | 1,112,888.00 | 5,500,000 | 6,612,888.00 | 12,664,624.10 |
| Marketinh | 13.21 | 126 | 12,521,007.70 | 1,200,000 | 196,754.00 | 1,100,000 | 3,690,000 | 1 | 137,577.00 | | | 18707761.7 | 1,100,393.00 | 5,500,000 | 6,600,393.00 | 12,107,368.70 |
| Bán hàng | 13.15 | 129 | 12,794,423.10 | 1,200,000 | | 1,100,000 | 3,750,000 | 1 | 137,577.00 | 2 | 191,477.00 | 18844423.1 | 1,095,395.00 | 5,500,000 | 6,595,395.00 | 12,249,028.10 |
| Kho | 16.86 | 256 | 16,264,607.69 | 1,400,000 | 509,485.00 | 2,100,000 | 7,440,000 | 3 | 199,769.00 | | | 27714092.7 | 1,404,438.00 | 10,500,000 | 11,904,438.00 | 15,809,654.70 |
| Cộng | 98.85 | 997 | 95,051,854.05 | 9,500,000 | 1,404,157.00 | 9,100,000 | 29,070,000 | 12 | 1,424,819.00 | 2 | 191,477.00 | 144,126,011.10 | 8,234,205.00 | 40,000,000.00 | 48,234,205.00 | 95,891,806.05 |

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Chín mươi lăm triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm linh sáu phẩy không năm đồng.

**Người lập biểu** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký , họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

### 2.5.3. Phương pháp tính các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

Theo chế độ hiện hành, tỷ lệ trích BHYT,BHXH, BHTN, KPCĐ tại Công ty TNHH Đại Đoàn Gia tính đến tháng 04 năm 2013 là 32,5% trong đó 23% tính vào chi phí kinh doanh của công ty, 9.5% do người lao động đóng góp trừ vào lương hàng tháng. Cụ thể:

*Bảo hiểm xã hội

Quỹ BHXH được hình thành bằng việc trích lập hàng tháng theo tỷ lệ quy định trên tổng quỹ lương cơ bản (cấp bậc) và các khoản phụ cấp( chức vụ, khu vực, thâm niên…). Theo chế độ hiện hành, hàng tháng công ty tiến hành trích lập BHXH theo tỷ lệ trích là 24%, trông đó:

+ 17% tính vào chin phí kinh doanh của công ty.

+ 7% do người lao động đóng góp trừ vào lương hàng tháng.

Toàn bộ số trích BHXH được nộp lên cơ quan quản lý quỹ BHXH để chi trả các trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động. Hàng tháng công ty trực tiếp chi trả BHXH cho cán bộ công nhân viên bi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưu trí, tủ tuất…

*Bảo hiểm y tế.

Quỹ BHYT được hình thành bằng cách trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng số lương cơ bản (cấp bậc) và các khoản phụ cấp của công nhân viên thực tế trong tháng. Theo chế độ hiện hành, công ty trích quỹ BHYT theo tỷ lệ là 4.5 %, trong đó:

+ 3% tính vào chi phí kinh doanh của công ty.

+ 1.5% tính vào lương người lao động.

Quỹ BHYT được sử dụng để thanh toán các khoản tiền khám, chữa bệnh, viện phí, thuốc chữ bệnh cho người lao động trong thời gian ốm đau, sinh đẻ, tai nạn lao động…. Theo chế độ hiện hành, Toàn bộ quỹ BHYT được nộp lên

cơ quan chuyên môn chuyên trách để quản lý và trợ cấp cho người lao động thông qua mạng lưới y tế.

*Bảo hiểm thất nghiệp.

Quỹ BHTN được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số lương cơ bản (cấp bậc) và các khoản phụ cấp của công nhân viên trong tháng. Theo chế độ hiện hành, công ty trích quỹ BHTN theo tỷ lệ là 2%, trong đó:

+ 1% tính vào chi phí kinh doanh của công ty.

+ 1% do người lao động đóng góp trừ vào lương hàng tháng.

* Kinh phi công đoàn.

KPCĐ được hình thành do việc trích lập theo quy định trên tổng số lương thực tế phải trả cho người lao động thực tế phát sinh trong tháng tính vào chi phí kinh doanh.

Theo chế độ hiện hành hàng tháng công ty trích 2% kinh phi công đoàn trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên trong tháng và tính vào hết các chi phí kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động.

Toàn bộ số KPCĐ được trích thì:

+ 1% nộp lên cơ quan công đoàn cấp trên.

+ 1% để lại công ty để chi tiêu cho hoạt động công đoàn tại công ty. KPCĐ được lập để phục vụ chi tiêu cho hoạt động của tổ chức công đoàn nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương của từng bộ phận, Bảng thanh toán tiền lương toàn doanh nghiệp, và tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, kế toán lập Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội ( theo mẫu số 11-LĐTL).

Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội dùng để tập hợp và phân bổ tiền lương, tiền thưởng, tiền công thực tế phải trả, BHXH, BHYT, KPCĐ phải trích nộp trong tháng cho các đối tượng sử dụng lao động.

Kết cấu:

+ Cột 1: Ghi tên các tài khoản ghi nợ.

+ Từ cột 2 đế cột 9: Ghi có TK 334 trong đố chi tiết theo từng khoản: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp làm thêm, tiền thưởng, phụ cấp ăn ca, lương học, họp, phép, trợ cấp BHXH và tổng cộng.

+ Từ cột 10 đến cột 14: Ghi có Tk 338 chi tiết 338(2,3,4,9) và tổng cộng.

+ Cột 15: Ghi tổng cộng, Cột 15 = Cột 14 + Cột 9.

Phương pháp ghi:

* Cột TK334:

+ Dòng TK641: căn cứ vào bảng thanh toán lương toàn doanh nghiệp, lấy phần tiền lương của bộ phận bán hàng.

+ Dòng TK642: Căn cứ vào bảng thanh toán lương toàn doanh nghiệp, lấy phần tiền lương cuả các bộ phận quản lý và hành chính của công ty.

* Cột TK338:

Chi tiết:

+ Cột TK3382 (KPCĐ): lương thực tế phải trả trong tháng nhân với 2%.

+ Cột TK3383 (BH XH): lương cơ bản nhân với 17%.

+ Cột TK3384 (BHYT): lương cơ bảm nhân với 3%.

+ Cột TK3389 ( BHTN): lương cơ bản nhân với 1%.

+Dòng TK641, 642: Căn cứ tiền lương nhân với tỷ lệ quy định.

+ Dòng TK334: Phản ánh số khấu trừ 7% BHXH, 1.5% BHYT và 1% BHTN căn cứ số khấu trừ trong Bảng thanh toán lương toàn doanh nghiệp.

Ví dụ: Tính BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ.cho TK641(chi phi bán hàng) như sau:

TK3382 (KPCĐ) = 18,982,000 x 2% = 379,640 (đồng)

TK3383 (BHXH) = 12,794,423 x 17% =2,047,107.68 (đồng)

TK3384 (BHYT) = 12,794,423 x 3% = 383,832.69 (đồng)

TK3389 (BHTN)= 12,794,423 x 1% = 127,944.23 (đồng)

+ Các TK khác cũng được tính tương tự, cụ thể ta có Bảng phân bổ tiền lương và BHXH sau:

Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA
Bộ phận: Tổ chức hành chính.

# BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG & BHXH
## Tháng 04 năm 2013

| Ghi có TK / Ghi nợ TK | Tk 334- Phải trả công nhân viên | | | | | | | | TK 338 - phải trả nợ khác | | | | | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Lương CB | PCTN | PCLT | Tiền thưởng | PC ăn ca | L.học họp,phép | Trợ cấp BHXH | Cộng có TK 334 | KPCĐ 3382 | BHXH 3383 | BHYT 3384 | BHTN 3389 | Cộng có TK 338 | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 1.Tk 641- Chi phí BH | 12,794,423.00 | 1,200,000 | | 1,100,000 | 3,750,000 | 137,577 | 191,477 | 19,173,477.00 | 383,469.54 | 2,047,107.68 | 383,832.69 | 127,944.23 | 2,942,354.14 | 22,115,831.14 |
| Bộ phận bán hàng | 12,794,423.10 | 1,200,000 | | 1,100,000 | 3,750,000 | 137,577 | 191,477 | 19,173,477.10 | 383,469.54 | 2,047,107.70 | 383,832.69 | 127,944.23 | 2,942,354.16 | 22,115,831.26 |
| 2. TK 642-Chi phí QLDN | 82,257,430.95 | 8,300,000 | 1,404,157 | 8,000,000 | 25,320,000 | 1,287,242 | 0 | 126,568,829.95 | 2,531,376.60 | 13,161,188.95 | 2,467,722.93 | 822,574.31 | 18,982,862.79 | 145,551,692.74 |
| Tổng giám đốc | 4,042,500.00 | 1,000,000 | | 800,000 | 750,000 | 161,700 | | 6,754,200.00 | 135,084.00 | 646,800.00 | 121,275.00 | 40,425.00 | 943,584.00 | 7,697,784.00 |
| Giám đốc | 3,920,000.00 | 900,000 | | 500,000 | 750,000 | 156,800 | | 6,226,800.00 | 124,536.00 | 627,200.00 | 117,600.00 | 39,200.00 | 908,536.00 | 7,135,336.00 |
| Tổ chức hành chính | 15,372,054.00 | 1,200,000 | 244,254 | 1,100,000 | 3,750,000 | 151,196 | | 21,817,504.00 | 436,350.08 | 2,459,528.64 | 461,161.62 | 153,720.54 | 3,510,760.88 | 25,328,264.88 |
| Tài Chính kế toán | 17,182,038.46 | 1,400,000 | 181,375 | 1,300,000 | 5,190,000 | 342,623 | | 25,596,036.46 | 511,920.73 | 2,749,126.15 | 515,461.15 | 171,820.38 | 3,948,328.42 | 29,544,364.88 |
| Kế hoạch | 12,955,223.10 | 1,200,000 | 272,289 | 1,100,000 | 3,750,000 | 137,577 | | 19,415,089.10 | 388,301.78 | 2,072,835.70 | 388,656.69 | 129,552.23 | 2,979,346.40 | 22,394,435.50 |
| Marketinh | 12,521,007.70 | 1,200,000 | 196,754 | 1,100,000 | 3,690,000 | 137,577 | | 18,845,338.70 | 376,906.77 | 2,003,361.23 | 375,630.23 | 125,210.08 | 2,881,108.31 | 21,726,447.01 |
| Kho | 16,264,607.69 | 1,400,000 | 509,485 | 2,100,000 | 7,440,000 | 199,769 | | 27,913,861.69 | 558,277.23 | 2,602,337.23 | 487,938.23 | 162,646.08 | 3,811,198.77 | 31,725,060.46 |
| 3.TK 334-Phải trả CNV | | | | | | | | | | 5,703,111.24 | 1,425,777.81 | 950,518.54 | | |
| Cộng | 95,051,853.95 | 9,500,000 | 1,404,157 | 9,100,000 | 29,070,000 | 1,424,819 | 191,477 | 145,742,306.95 | 2,914,846.14 | 20,911,407.87 | 4,277,333.43 | 1,901,037.08 | 21,925,216.93 | 167,667,523.88 |

**Người lập biểu** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

## 2.6. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

### 2.6.1. Tài khoản sử dụng và chứng từ liên quan.

TK 334: Phải trả người lao động

TK 338: Phải trả, phải nộp khác

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như sau:

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 138: Phải thu khác

TK 141: Tạm ứng

TK 641: Chi phi bán hàng

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

……..

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương toàn doanh nghiệp, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, kế toán xác định số tiền thực tế phải trả người lao động trong tháng và sau khi trừ các khoản khấu trừ vào lương của người lao động. Kế toán tiến hành rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, chuẩn bị trả lương cho người lao động.

Các chứng từ liên quan:

Phiếu thu, phiếu chi ….

* Phiếu thu:

**Đơn vị**: Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA Mẫu số: 01-TT

**Bộ phận**: Kế toán. Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

**PHIẾU THU** Quyển số: 10

Ngày 29 tháng 04 năm 2013 Số: 15

Nợ: TK 111

Có: TK 112

Họ và tên người nộp: Đinh Phương Thảo.

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do nộp: Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt chuẩn bị trả lương cho công nhân viên tháng 04 năm 2013.

Số tiền: 144,126,011 (đồng).

(Viết bằng chữ: *Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn không trăm mười một đồng).*

Kèm theo: 1 chứng từ ngốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2013.

| **Giám đốc** | **Người nộp** | **Người lập phiếu** | **Thủ quỹ** |
|---|---|---|---|
| ( Ký, họ tên đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn không trăm mười một đồng.*

+ Khi tiến hành thanh toán lương cho người lao động, kế toán lập phiếu chi lương căn cứ vào tổng số tiền lương thực tế phải trả.

* Phiếu chi.

**Đơn vị**: Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA. Mẫu số: 01-TT

**Bộ phận**: Kế toán. Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

**PHIẾU CHI** Quyển số: 10

Ngày 29 tháng 04 năm 2013 Số: 17

Nợ: TK 334

Có: TK 111

Họ và tên người nhận: Nguyễn Thị Hồng.

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do nộp: Thanh toán lương cho công nhân viên tháng 04 năm 2013.

Số tiền: 144,126,011 (đồng).

(Viết bằng chữ: *Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn không trăm mười một đồng).*

Kèm theo: 1 chứng từ ngốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2013

| **Giám đốc** | **Người nộp** | **Người lập phiếu** | **Thủ quỹ** |
|---|---|---|---|
| ( Ký, họ tên đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn không trăm mười một đồng.*

### 2.6.2. Ghi sổ.

Căn cứ vào các chứng từ liên quan và các nghiệp vụ phát sinh trong tháng kế toàn tổng hợp phản ánh vào Sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian, đồng thời phản ánh quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ việc ghi Sổ Cái, Sổ chi tiết TK 334, Sổ tổng hợp chi tiết TK 334

* Sổ nhật ký chung.

+ kết cấu và phương pháp ghi sổ:

Hiện tại công ty sử dung mẫu sổ Nhật ký chung theo mẫu ban hành của Bộ tài chính.

Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.

Cột B, C: Ghi số hiệu và ngày, tháng lập của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cột D: Ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh của chứng từ kế toán.

Cột E: Đánh dấu các nghiệp vụ ghi sổ nhật ký chung đã được ghi vào sổ cái.

Cột G: Ghi số thứ tự dòng của nhật ký chung.

Cột H: Ghi số hiệu các TK ghi Nợ, ghi Có theo định khoản kế toán các nghiệp vụ phát sinh.

Cột 1: Ghi số tiền phát sinh các TK ghi Nợ.

Cột 2: Ghi số tiền phát sinh các TK ghi Có.

Cuối trang sổ cộng số phát sinh lũy kế chuyển sang trang sau

* Sổ cái.

+ kết cấu và phương pháp ghi sổ:

Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.

Cột B, C: Ghi số hiệu và ngày, tháng lapp của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ gi sổ.

Cột D: Ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ kinh tế.

Cột E : Ghi số trang của Nhật ký chung đã ghi nghiệp vụ này.

Cột G: Ghi số dòng của Nhật ký chung đã ghi nghiệp vụ này.

Cột H: Ghi số hiệu các TK đối ứng liên quan đến nghiệp vụ phát sinh với TK trang Sổ cái này.

Cột 1,2: Ghi số tiền phát sinh bên nợ hoặc bên Có của TK theo từng nghiệp vụ.

**Đơn vị**: Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA Mẫu số S03a - DN

**Bộ phận**: Kế toán. Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

*Đơn vị tính: Đồng*

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK Đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| 20/04 | PC 13 | 20/04 | Tạm ứng lương kỳ 1 cho công nhân viên | v | 1 | 334<br>111 | 30,000,000 | 30,000,000 |
| 29/04 | | 29/04 | Tính lương cho công nhân viên | v | 2 | 641<br>642<br>334 | 18,844,432<br>125,281,588 | 144,126,011 |
| 29/04 | | 29/04 | Trích BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN | v | 3 | 641<br>642<br>334<br>338 | 2,938,524.6<br>18892862.8<br>8,079,407.6 | 30,000,795 |
| 29/04 | | 29/04 | Trợ cấp BHXH | v | 4 | 338<br>334 | 191,477 | 191,477 |
| | | | Cộng chuyển trang sau | | 5 | | 204,318,283 | 204,318,283 |

- Sổ này có 80 trrang đánh số từ trang 01 tới trang 70
- Ngày mở sổ: 01/01/2013 Ngày 20 tháng04 năm 2013

Người ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

**Đơn vị**: Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA Mẫu số S03a-DN

**Bộ phận**: Kế toán Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

*Đơn vị tính: Đồng*

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK Đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | Trang trước chuyển sang | | | | 204,318,283 | 204,318,283 |
| 29/04 | PT 15 | 29/04 | Rút tiền gửi ngân hàng để trả lương kỳ 2 cho CNV | v | 1 | 111<br>112 | 144,126,011 | 144,126,011 |
| 29/04 | PC 17 | 29/04 | Trả lương cho công nhân viên | v | 2 | 334<br>111 | 95,891,806 | 95,891,806 |
| | | | Cộng phát sinh | | 3 | | 444,336,100 | 444,336,100 |

- Sổ này có 80 trrang đánh số từ trang 01 tới trang 71
- Ngày mở sổ: 01/01/2013 Ngày 20 tháng04 năm 2013

**Người ghi sổ** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

**Đơn vị**: Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA Mẫu số S03b-DN
**Bộ phận**: Kế toán Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ CÁI**
Năm 2013
Tên tài khoản:Phải trả công nhân viên
Số hiệu: 334

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang sổ | STT dòng | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | | | 60,300,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng lương kỳ 1 cho công nhân viên | 70 | 1 | 111 | 30,000,000 | |
| 29/04 | | | Tính lương cho công nhân viên | 70 | 2 | 641<br>642 | | 18,844,432<br>125,281,588 |
| 29/04 | | | Trích BHXH(6%) BHYT(1.5%) BHTN(1%) | 70 | 3 | 338 | 8,079,407.6 | |
| 29/04 | | | Trợ cấp BHXH | 70 | 4 | 338 | | 191,477 |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Trả lương kỳ 2 cho công nhân viên | 71 | 2 | 111 | 118,858,625.8 | |
| | | | Công phát sinh | | | | 156,938,333.4 | 144,317,497 |
| | | | Số dư cuối tháng | | | | | 47,679,163.6 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) **Giám đốc** (Ký, họ tên)

**Đơn vị**: Công ty TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA. Mẫu số S03b-DN

**Bộ phận**: Kế toán. Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2013

Tên tài khoản:Phải trả khác

Số hiệu: 338

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang sổ | STT dòng | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | | | 8,000,000 |
| 29/04 | | 29/04 | Các khoản phải trích theo lương | 70 | 3 | 641<br>642<br>334 | | 2,938,524.6<br>18,892,862.8<br>8,079,407.6 |
| 29/04 | | 29/04 | Trợ cấp BHXH | | | 334 | 191,477 | |
| | | | Công phát sinh | | | | 191,477 | 29,910,795 |
| | | | Số dư cuối tháng | | | | | 37,719,318 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

**Giám đốc** (Ký, họ tên)

* Sổ chi tiết tài khoản 334:

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334
Tháng 04 năm 2013
Bộ phận: Tổ chức hành chính

| Ngày tháng | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 10,050,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng tiền lương cho cả bộ phận | 111 | 5,500,000 | |
| 29/04 | BTTL | 29/04 | Tính lương phải tra cho nhân viên | 642 | | 21,666,308 |
| 29/04 | | | Trích BH cho nhân viên | 338 | 1,319,472 | |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Thanh toàn tiền lương kỳ 2 cho công nhân | 111 | 15,000,000 | |
| 29/04 | | 29/04 | Công phát sinh trong tháng | | 21,819,472 | 21,666,308 |
| 29/04 | | | Số dư cuối tháng | | | 9,896,836 |

**Người ghi sổ** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334

Tháng 04 năm 2013

Bộ phận: Tài chính kế toán

| Ngày tháng | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 10,050,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng tiền lương cho cả bộ phận | 111 | 7,500,000 | |
| 29/04 | BTTL | 29/04 | Tính lương phải tra cho nhân viên | 642 | | 25,253,413.46 |
| 29/04 | | | Trích BH cho nhân viên | 338 | 1,497,734 | |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Thanh toàn tiền lương kỳ 2 cho công nhân | 111 | 20,000,000 | |
| 29/04 | | 29/04 | Công phát sinh trong tháng | | 28,997,734 | 25,253,413.46 |
| 29/04 | | | Số dư cuối tháng | | | 6,305,679.46 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

**Giám đốc** (Ký, họ tên)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334**

Tháng 04 năm 2013

Bộ phận: Kế hoạch

| Ngày tháng | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 10,050,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng tiền lương cho cả bộ phận | 111 | 5,500,000 | |
| 29/04 | BTTL | 29/04 | Tính lương phải trả cho nhân viên | 642 | | 19,277,512.1 |
| 29/04 | | | Trích BH cho nhân viên | 338 | 1,112,888 | |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Thanh toàn tiền lương kỳ 2 cho công nhân | 111 | 20,000,000 | |
| 29/04 | | 29/04 | Công phát sinh trong tháng | | 26,612,888 | 19,277,512.1 |
| 29/04 | | | Số dư cuối tháng | | | 2,714,624.1 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

**Giám đốc** (Ký, họ tên)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334**

Tháng 04 năm 2013

Bộ phận: Marketing

| Ngày tháng | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 10,050,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng tiền lương cho cả bộ phận | 111 | 5,500,000 | |
| 29/04 | BTTL | 29/04 | Tính lương phải trả cho nhân viên | 642 | | 18,707,761.7 |
| 29/04 | | | Trích BH cho nhân viên | 338 | 1,100,393 | |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Thanh toàn tiền lương kỳ 2 cho công nhân | 111 | 15,000,000 | |
| 29/04 | | 29/04 | Công phát sinh trong tháng | | 21,600,393 | 18,707,761.7 |
| 29/04 | | | Số dư cuối tháng | | | 7,157,368.1 |

**Người ghi sổ** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334

Tháng 04 năm 2013

Bộ phận: Bán hàng

| Ngày tháng | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 10,050,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng tiền lương cho cả bộ phận | 111 | 5,500,000 | |
| 29/04 | BTTL | 29/04 | Tính lương phải trả cho nhân viên | 641 | | 18,844,423.1 |
| 29/04 | | | Trích BH cho nhân viên | 338 | 1,095,395 | |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Thanh toàn tiền lương kỳ 2 cho công nhân | 111 | 22,999,028.1 | |
| 29/04 | | 29/04 | Công phát sinh trong tháng | | 28,894,423.1 | 18,844,423.1 |
| 29/04 | | | Số dư cuối tháng | | | 0 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

**Giám đốc** (Ký, họ tên)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334

Tháng 04 năm 2013

Bộ phận: Kho

| Ngày tháng | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 10,050,000 |
| 20/04 | PC13 | 20/04 | Tạm ứng tiền lương cho cả bộ phận | 111 | 10,500,000 | |
| 29/04 | BTTL | 29/04 | Tính lương phải trả cho nhân viên | 642 | | 27,714,092.69 |
| 29/04 | | | Trích BH cho nhân viên | 338 | 1,404,438 | |
| 29/04 | PC17 | 29/04 | Thanh toàn tiền lương kỳ 2 cho công nhân | 111 | 25,859,624,.69 | |
| 29/04 | | 29/04 | Công phát sinh trong tháng | | 37,764,092.69 | 27,714,092.69 |
| 29/04 | | | Số dư cuối tháng | | | 0 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

**Giám đốc** (Ký, họ tên)

## SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334

Tháng 04 năm 2013

| STT | Bộ phận | Số dư đầu tháng | | Số phát sinh trong tháng | | Số dư cuối tháng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Tổng giám đốc | | 0 | 6,592,500 | 6,592,500 | | 0 |
| 2 | Giám đốc | | 0 | 6,070,000 | 6,070,000 | | 0 |
| 3 | Tổ chức hành chính | | 10,050,000 | 21,819,472 | 21,666,308 | | 9,896,836 |
| 4 | Tài chính kế toán | | 10,050,000 | 28,997,734 | 25,253,413.46 | | 6,305,679.46 |
| 5 | Kế hoạch | | 10,050,000 | 26,612,888 | 19,277,512 | | 2,714,624,.1 |
| 6 | Marketing | | 10,050,000 | 21,600,393 | 18,707,761.7 | | 7,157,368.1 |
| 7 | Bán hàng | | 10,050,000 | 28,894,423.1 | 18,844,423,.1 | | 0 |
| 8 | Kho | | 10,050,000 | 37,764,092.69 | 27,714,092.69 | | 0 |
| | | | 60,300,000 | 178,351,502.8 | 144,317,497 | | 26,265,994.2 |

**Người ghi sổ** (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng** (Ký, họ tên)

**Giám đốc** (Ký, họ tên)

# CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐOÀN GIA

## 3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty

### 3.1.1 Ưu điểm

Công ty hiện đang áp dụng hình thức nhật ký chung, một loại hình hạch toán không những phù hợp với quy mô của Công ty mà còn rất thuận tiện cho việc cơ giới hóa tính toán.

Cùng với sự phát triển của Công ty, tổ chức bộ máy kế toán cũng không ngừng được hoàn thiện, tham mưu và giúp cho Ban Giám đốc điều hành các phần việc mà mình phụ trách, đảm bảo cung cấp kịp thời và chính xác những thông tin về tài chính của Công ty giúp cho lãnh đạo Công ty ra các quyết định đúng đắn về quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ phận kế toán của Công ty đã thực hiện việc thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên Công ty rất cụ thể, chính xác đáp ứng được nhu cầu của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

Việc chi trả tiền lương, thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về các chế độ BHXH, BHYT đảm bảo quyền lợi trực tiếp của người lao động. Công ty cũng sử dụng đầy đủ các chứng từ kế toán đã quy định trong chế độ ghi chép ban đầu về tiền lương, về thanh toán các chế độ BHXH .

Bên cạnh đó, do thực hiện chế độ hưởng lương theo lợi nhuận nên khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đạt doanh thu cao thì mức thu nhập của các cán bộ công nhân viên trong Công ty được nâng cao, góp phần

đảm bảo được mức sống và sinh hoạt của họ, khuyến khích được tinh thần trách nhiệm của người lao động trong công việc.

### 3.1.2 Nhược điểm

Công Ty TNHH Đại Đoàn Gia là loại hình doanh nghiệp TNHH, hoạt động hạch toán kinh tế độc lập. Hiện tại công ty đang áp dụng hình thức hưởng lương theo ngày công thực tế và theo lợi nhuận.

Theo hình thức trả lương này thì nếu Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả thì thu nhập của Cán bộ công nhân viên trong Công ty sẽ được nâng cao. Nhưng việc đảm bảo mức thu nhập của họ có được ổn định không thì lại phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh phải đạt doanh số, cũng như lợi nhuận của công ty có đạt hiệu qủa hay không đạt được mức doanh thu như kế hoạch đã đề ra trong khi thực hiện cũng như thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do đó Công ty cần có chính sách khen thưởng hợp lý bằng những việc làm cụ thể cả về vật chất lẫn tinh thần.

Để khuyến khích người lao động trong công việc và cũng phần nào cải thiện được cuộc sống của người lao động. Trong tâm lý người lao động muốn cống hiến đóng góp cho công ty.

Điều đó đòi hỏi Ban Lãnh đạo Công ty phải luôn tăng cường công tác quản lý, quan tâm và củng cố đội ngũ các bộ có năng lực chuyên môn, đào tạo bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn để góp phần cho sự phát triển Công ty, giúp cho tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty luôn đạt được hiệu quả, đạt doanh thu cao.

## 3.2 Các yêu cầu hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty

### 3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương:

Ta đã biết tiền lương là một vấn đề hết sức quan trọng. Một chính sách tiền lương hợp lý sẽ là cơ sở, đòn bẩy cho sự phát triển của Doanh nghiệp. Còn đối với người lao động, tiền lương nhận được thoả đáng sẽ là động lực thúc đẩy năng lực sáng tạo, sự nhiệt tình trong công việc góp phần không nhỏ làm tăng năng suất lao động, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng đạt kết quả cao.

Vì vậy với tình hình thực tế tại công ty hiện nay HĐQT, GĐ, PGĐ,...của công ty phải đưa ra những việc làm cụ thể để thúc đẩy, tạo ra một cú huých cho công ty.

Do đó ở mỗi doanh nghiệp, tuỳ theo loại hình kinh doanh của doanh nghiệp, quy mô của doanh nghiệp cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình mà có chế độ kế toán tiền lương sao cho hợp lý.

Luôn nghiên cứu và hoàn thiện hơn công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, các chế độ hưởng BHXH, các chế độ khen thưởng, khuyến khích lương để sao cho quyền lợi của người lao động động luôn được đảm bảo và được đặt lên hàng đầu, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, khuyến khích được người lao động trong sản xuất kinh doanh là một vấn đề rất quan trọng.

### 3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Đại Đoàn Gia

Tiền lương đóng góp phần quyết định đến sự thành công hay thất bại của từng doanh nghiệp trên thương trường nhất là trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

Đối với sản xuất kinh doanh, tiền lương là một phần không nhỏ của chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Do đó, nếu công ty vận dụng chế độ tiền lương hợp lý, phù hợp với năng lực thực sự, làm nhiều hưởng nhiều có cải tiến có sáng tạo...sẽ được hưởng thành quả cũng như đóng góp của mình đối với công ty sẽ tạo động lực tăng năng suất lao động và hiệu quả rõ dệt trong sản xuất kinh doanh.

Việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở công ty là rất cần thiết và quan trọng nhưng nó đòi hỏi phải luôn đảm bảo nguyên tắc công bằng và xứng đáng đối với sức lao động mà người lao động đã bỏ ra.

Tiền lương nhận được thoả đáng thì người lao động sẵn sàng nhận công việc được giao dù ở đâu, làm gì trong điều kiện sức lực và trí tuệ của họ cho phép.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở từng bộ phần phải đảm bảo nguyên tắc tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Tài chính về các vấn đề như: cách tính lương, phân bổ tiền lương cũng như phải đầy thực hiện đúng hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán có liên quan.

Do Nhà Nước ban hành và những Quy định của các Bộ Ban Nghành Đoàn thể.

### 3.2.3 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và cách khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Đại Đoàn Gia

Tuỳ theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp mà có phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở Công Ty mình sao cho phù hợp.

Công Ty cần áp dụng ngay những chính sách, quy định mới ban hành của Nhà nước về chế độ tiền lương và các khoản trích theo lương để đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Công Ty cũng cần quan tâm đến đội ngũ Kế Toán của công ty, không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn để họ hoàn thành tốt công việc của mình và có khả năng thích nghi với những chế độ chính sách kế toán mới.

Đảm bảo sao cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ hiện hành của Nhà nước cũng như những quyền lợi của họ.

Công Ty cũng cần thường xuyên cải tiến công nghệ kỹ thuật với những lợi thế sẵn có của mình có đối tác nước ngoài, cùng với sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước, tích cực tham gia các cuộc hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

Hiện tại công ty vẫn đang duy trì hình thức trả lương trực tiếp cho người lao động, để đem lại hiệu quả cao trong cách thức thanh toán công ty nên chuyển đổi sang hình thức trả bằng thẻ tín dụng vừa đơn giản lại mang lại hiệu quả cao.

Áp dụng những phần mềm kế toán mới để đơn giản hóa bộ máy kế toán cũng như đem lại sự thuận tiện trong việc kiểm tra, xem xét cũng như trong việc ra quyết định của Ban giám đốc.

Tập trung các nguồn nhân lực trong nước như: đội ngũ sinh viên thực tập, sinh viên nghiên cứu...những đề tài cải tiến công nghệ kỹ thuật, tận dụng nguồn nhân công rất rẻ trong nước, tạo ra công ăn việc làm cho những người lao động ở địa phương.

Bên cạnh đó,công ty cũng cần lập những quỹ Khen thưởng, phúc lợi, chế độ trợ cấp và chế độ khen thưởng thiết thực, công bằng, hợp lý đối với người lao động để khuyến khích họ trong công việc, góp phần giúp họ đảm bảo và nâng cao cuộc sống của bản thân mình và gia đình.

# Kết luận

Trong nền kinh tế thị trường, sử dụng hiệu quả lao động là yếu tố vô cùng quan trọng góp phần quyết định đến sự tồn tại và phát triển của một công ty. Để kích thích người lao động làm việc tích cực, mọi công ty đều phải quán triệt nguyên tắc: "đảm bảo công bằng trong việc tính trả lương và bảo hiểm xã hội giữa các lao động trong công ty" góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả lao động. Vi vậy việc tính đúng và tính đủ tiền lương là một vấn đề mà không chỉ công ty mà cà người lao động cũng rất quan tâm, vì vậy công ty nên có một chính sách tiền lương đúng đắn để tạo động lực phát triển công ty.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, suy cho cùng mọi hoạt động kinh doanh đều nhằm mục đích kiếm lợi nhuận. Đứng trước yêu cầu của thị trường, Công ty TNHH Đại Đoàn Giađã tìm ra con đường nâng cao hiệu quả kinh doanh, thông qua chính sách tiền lương hợp lý. Đây chính là một chiến lược để công ty tồn tại và ngày càng phát triển.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Đại Đoàn Giaem đã cố gắng tìm hiểu những vấn đề cơ bản nhất trong công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Góp phần thúc đẩy quá trình kinh doanh của công ty, đồng thời em đã mạnh dạn đưa ra một số ý đóng góp, đề suất. Tuy nhiên do kinh nghiệm còn hạn chế nên chuyên đề thực tập của em không tránh khỏi những thiếu sót.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Cô giáo - TS: DƯƠNG THỊ VÂN ANH đã tận tình hướng dẫn chỉ bảo em và Công ty TNHH Đại Đoàn Gia đã tạo điều kiện cho em hoàn thành báo cáo thực tập cuối khóa.

Em xin chân thành cảm ơn!

# NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Ngày…. Tháng…. Năm 2013

Giáo viên hướng dẫn

# NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Ngày…. Tháng…. Năm 2013

Giáo viên phản biện

# NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Ngày…. Tháng…. Năm 2013

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(ký tên, đóng dấu)